
SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN
KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN LỚP 12
GV: Lê Thị Hiệp

BÀI 2: **NHỮNG THỂ GIỚI THƠ**
Thời gian thực hiện: 11 tiết
(Đọc: 07 tiết, Thực hành tiếng Việt: 01 tiết, Viết: 02 tiết, Nói và nghe: 01 tiết)

I. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức

- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn qua các bài thơ tiêu biểu đã học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ...

2. Về năng lực

- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của phong cách hiện thực trong tiểu thuyết và trong sáng tác văn học nói chung.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.
- Viết được văn bản nghị luận, so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Biết trình bày (dưới hình thức nói) kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

3. Về phẩm chất:

Có thái độ ngưỡng mộ đối với những tấm gương sống đẹp vì đất nước, cộng đồng, vì nền nghệ thuật lớn hướng tới con người.

II. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 12,13 ĐỌC VB 1

CẢM HOÀI

(Nỗi lòng - Đặng Dung)

I. MỤC TIÊU

- Về kiến thức:** Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ *Cảm hoài của Đặng Dung*.
- Về năng lực:**
 - Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (hình tượng, biểu tượng).
 - Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học về văn bản *Cảm hoài* để rèn luyện năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại.
- Về phẩm chất:** Cảm nhận được nhiệt huyết cứu nước và vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Giáo viên:** SGK, SGV Ngữ văn 12, tập một, kế hoạch bài dạy, tivi
- Học sinh:** SGK, phiếu học tập, các tài liệu liên quan đến tác giả, tác phẩm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú và tâm thế hứng khởi cho học sinh; huy động kiến thức nền để tiếp nhận tác phẩm *Cảm hoài* của Đặng Dung.
- Nội dung:** Chia sẻ những hiểu biết của em về phong cách cổ điển.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV đặt vấn đề: Trong lịch sử và trong cuộc sống đời thường, có những thất bại khiến cho người đời không chỉ cảm thấy buồn thương, tiếc nuối mà còn nể phục, kính trọng. Hãy kể về một thất bại như thế và cho biết điều gì gây ấn tượng cho bạn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ theo từng cá nhân về vấn đề GV đặt ra. Bước 3: Báo cáo thảo luận - Mời một vài HS chia sẻ suy nghĩ bản thân. - Yêu cầu các HS khác bổ sung, nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét các câu trả lời. - GV định hướng một vài nội dung trọng tâm về các vấn đề đặt ra và dẫn dắt vào bài học.	Học sinh chia sẻ theo quan điểm cá nhân

2. Hoạt động hình thành kiến thức

* Hoạt động 1. Tìm hiểu tri thức Ngữ văn

- Mục tiêu:** Tìm hiểu một số yếu tố đặc trưng thơ (Biểu tượng, yếu tố siêu thực trong thơ, phong cách cổ điển và phong cách lãng mạn).
- Nội dung:** Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.
- Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân/nhóm học sinh liên quan đến nội dung vấn đề.
- Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS chuẩn bị bài học ở nhà. - Trên lớp, GV chia lớp thành 4 nhóm: thảo luận và hoàn thành phiếu học tập. <i>*/ Nhóm 1: Biểu tượng</i> + Biểu tượng là gì? + Đặc điểm của biểu tượng? + Trong sáng tác văn học, ngoài các biểu tượng có sẵn, các nhà văn, nhà thơ còn sáng tạo nên những biểu tượng nào? Cho ví dụ. <i>*/ Nhóm 2: Yếu tố siêu thực trong thơ</i> + Nêu các biểu hiện của yếu tố siêu thực trong thơ. + Yếu tố siêu thực xuất hiện trong một số tác phẩm thơ ở thời kì nào của nền văn học? Liên hệ mở rộng. <i>*/ Nhóm 3: Phong cách cổ điển</i> + Phong cách cổ điển là gì? + Đặc trưng cơ bản của phong cách cổ điển? <i>*/ Nhóm 4: Phong cách lãng mạn</i> + Phong cách lãng mạn là gì? + Phong cách lãng mạn có những đặc điểm cơ bản nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập. - GV quan sát và hỗ trợ các nhóm. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS các nhóm báo cáo KQTL. - Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, phản biện. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chốt lại kiến thức trọng tâm.	A. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn 1. Biểu tượng - Biểu tượng là hình ảnh mang tính ngụ ý, vượt lên chức năng miêu tả, tạo hình đơn giản; chứa đựng nhiều tầng nghĩa phong phú; gợi cảm nhận, suy tư về những điều mang tính phổ quát. - Đặc điểm: + Có khả năng khái quát bản chất của một hiện tượng. + Thể hiện được những quan niệm, triết lí sâu sắc về con người và cuộc sống. + Quá trình hình thành biểu tượng chịu sự chi phối của các yếu tố tâm lí, văn hoá,... của dân tộc và thời đại. 2. Yếu tố siêu thực trong thơ - Biểu hiện: qua những hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, gây cảm giác khó hiểu cho độc giả và hoàn toàn mang tính tự nhiên. - Yếu tố siêu thực xuất hiện thoáng trong một số tác phẩm thơ dân gian, thơ thời trung đại, đặc biệt ở thời hiện đại. 3. Phong cách cổ điển - Phong cách cổ điển là loại phong cách sáng tác được hình thành từ thời trung đại, chịu sự chi phối của một quan niệm về thế giới có tính đặc thù. - Đặc trưng cơ bản: nghiêng về thể hiện những đề tài cao nhã; có cảm hứng đặc biệt với cái vĩnh hằng, bất biến; luôn hướng về những mẫu hình lí tưởng, tôn trọng tính quy phạm của cách tổ chức các yếu tố nghệ thuật thành một cấu trúc hoàn mỹ;... 4. Phong cách lãng mạn - Phong cách lãng mạn: + Xét theo nghĩa rộng, phong cách lãng mạn thường được đặt trong mối tương quan so sánh với phong cách hiện thực, xuất hiện từ thời cổ đại. + Xét theo nghĩa hẹp, phong cách lãng mạn gắn với chủ nghĩa lãng mạn, một trào lưu văn học được hình thành ở phương Tây vào cuối thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX. - Đặc điểm cơ bản: + Khẳng định cái cao cả, phi thường và phủ định thực tại tầm thường, tù túng.

	+ Đề cao cá tính sáng tạo, trí tưởng tượng, sự phóng khoáng. + Chú trọng thể giới nội tâm với những cảm xúc mạnh mẽ, khoáng đạt, tinh tế và ưa dùng các yếu tố tương phản.
--	---

*** Hoạt động 2: Đọc văn bản**

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Học sinh nắm được những nét chính về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: Học sinh thực hiện nhiệm vụ giáo viên đã phân công theo từng nhóm/vấn đề để tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân/nhóm học sinh liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
*/ Đọc - GV gọi 1-2 học sinh đọc thành tiếng bản phiên âm, dịch nghĩa và dịch thơ trước lớp, khuyến khích HS học thuộc lòng bài thơ; nhắc các em chú ý sử dụng thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản; đọc kĩ chú thích và nêu câu hỏi về những từ ngữ chưa hiểu. - So sánh bản phiên âm và dịch thơ: + Ở câu 1, từ “du du” bản dịch thơ dịch là “ngồn ngang” là sát. “Du du” nghĩa là kéo dài mãi không dứt, không cùng; “ngồn ngang” gợi sự bẽ bộn, làm cho khó tháo gỡ hoặc giải quyết. + Ở câu 2, cụm từ “nhập hàm ca” dịch là “cuộc say ca”: chưa thể hiện được điều không thích nhưng vẫn phải làm với mong muốn giải toả tâm trạng nhưng tâm trạng vẫn ngồn ngang. + Ở câu 8, “gươm Long Tuyền” chưa được dịch hết ý. “Kỷ độ Long Tuyền đới nguyệt ma” không chỉ cho thấy vẻ đẹp lung linh tráng lệ của hình ảnh người anh hùng mài gươm dưới trăng mà còn thấy được thanh gươm đang mài là thanh gươm báu. */ Tìm hiểu chung Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS trao đổi và thảo luận theo cặp đôi các vấn đề sau: + Nêu những nét tiêu biểu về cuộc đời của Đặng Dung. <i>(Lưu ý các em về bối cảnh lịch sử đất nước và kết cục bi tráng của cuộc đời tác giả).</i> + Tác phẩm? • Bài thơ viết về đề tài gì? • Bài thơ viết theo thể thơ nào? • Nhân vật trữ tình của bài thơ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS có thể trao đổi với bạn cùng bàn để thực hiện	B. Đọc hiểu văn bản 1 I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Đặng Dung (?-1414) - Quê quán: Can Lộc - Hà Tĩnh. - Dưới triều nhà Hồ, ông giúp cha cai quản đất Thuận Hoá. - Khi quân Minh sang xâm lược nước ta, ông cùng cha tham gia cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi, lập nhiều công hiển hách. - Năm 1414, bị giặc Minh bắt giải sang Trung Quốc nên đã tuần tiết trên đường đi. - Sáng tác chỉ còn lại duy nhất bài thơ Cảm hoài. 2. Tác phẩm - Đề tài: chí khí của người anh hùng trước vận nước. - Thể loại: Thất ngôn bát cú Đường luật. - Nhân vật trữ tình: tác giả (người tráng sĩ lỡ thời, thất thế).

nhiệm vụ GV đã giao. Bước 3: Báo cáo thảo luận: GV mời từng HS trả lời các câu hỏi/vấn đề đã đặt ra. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét và đánh giá câu trả lời của HS và chốt lại kiến thức trọng tâm.	
---	--

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ *Cảm hoài*.
- Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (hình tượng, biểu tượng).
- Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học về văn bản *Cảm hoài* để rèn luyện năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn HS tìm hiểu các khía cạnh về giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật; phong cách cổ điển được thể hiện qua bài thơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân/nhóm học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thảo luận các vấn đề sau: + Hoàn cảnh - tình thế của nhân vật trữ tình thể hiện như thế nào qua bốn câu thơ đầu? + Đối diện với hoàn cảnh - tình thế đó, nhân vật trữ tình có những cảm xúc, suy nghĩ gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm. - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS các nhóm báo cáo KQTL. - Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, phản biện. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chốt lại kiến thức trọng tâm.	II. Khám phá văn bản 1. Hoàn cảnh – tình thế và cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trữ tình */ Hoàn cảnh - tình thế: - “Việc đời dang dở”: sứ mệnh lớn lao, trách nhiệm nặng nề; sự nghiệp chống quân Minh cứu nước hết sức gian lao, vất vả, cần nhiều thời gian. - “ta đã già”: tuổi tác đã già mà thù nhà nợ nước chưa trả xong - sự hữu hạn của đời người. - “biết làm thế nào?": tâm trạng rối bời. - “Trời đất... say ca”: người anh hùng đắm mình trong cuộc rượu hát ca cùng với trời đất nhưng không quên được nỗi đau mất nước. → Bi kịch của người anh hùng: bất lực trước thời cuộc. */ Cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trữ tình - Khi gặp thời thì kẻ tầm thường (như người hàng thịt, kẻ đi cầu) cũng dễ dàng lập được công danh. - Khi thất thế thì dẫu người tài ba, anh hùng lỗi lạc cũng đành ôm tủi hận. → Nỗi đau của những người anh hùng vì lỡ vận mà nghiệp lớn không thành nên đành “nuốt hận”. Liên hệ với cuộc đời

	Cao Bá Quát, Phan Bội Châu, Nguyễn Du...
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Gv yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 - 6 HS các vấn đề sau: + Trong hai câu luận, tác giả đã sử dụng những biểu tượng quen thuộc trong thơ trung đại để bày tỏ nỗi lòng của mình? + Nêu cảm nhận về nỗi lòng của nhân vật trữ tình? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm. - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS các nhóm báo cáo KQTL. - Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, phản biện. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chốt lại kiến thức trọng tâm.	2. Nỗi lòng của người anh hùng - Các biểu tượng: “xoay trục đất”, “rửa binh khí”, “kéo sông Ngân”: quen thuộc trong thơ TĐ. Liên hệ: “<i>Vũ trụ nội mạc phi phận sự</i>” (Nguyễn Công Trứ) “<i>Sinh vi nam tử yếu hy kỳ, Khẳng hứa càn khôn tự chuyển di</i>” (Phan Bội Châu) - Nhận xét: + Các biểu tượng kì vĩ, mang tầm vóc vũ trụ; gắn với bối cảnh đất nước và cuộc đời bi tráng của nhà thơ. + Thể hiện khát vọng lớn lao, khí phách của người anh hùng: đánh đuổi quân xâm lược, giành lại chủ quyền đất nước; chấm dứt chiến tranh, mang lại cuộc sống thanh bình cho nhân dân, không còn phải dùng đến vũ khí nữa. + Những biểu tượng này còn ẩn chứa nỗi niềm xót xa, bi phẫn khi nghiệp lớn không thành.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Gv yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 - 6 HS các vấn đề sau: Phân tích ý nghĩa của hình tượng người tráng sĩ mài gươm dưới bóng trăng trong hai câu kết. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm. - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS các nhóm báo cáo KQTL. - Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, phản biện. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chốt lại kiến thức trọng tâm.	3. Hình tượng người tráng sĩ mài gươm dưới bóng trăng - Quốc thù chưa trả > < đầu sao bạc. + Dù đã cống hiến trọn vẹn cuộc đời cho sự nghiệp cứu nước. + Đã bền gan vững chí vượt qua biết bao thử thách, gian nguy mà đến khi đầu bạc, nghiệp lớn vẫn chưa thành, thù nước chưa trả được. → Người tráng sĩ hiểu rõ tình trạng “lỡ thời, thất thế” và thực tại phũ phàng, nghiệt ngã của mình. - Bao độ mài gươm ánh nguyệt hà. + Bất chấp hoàn cảnh vô vọng, người anh hùng ấy vẫn không nản chí, không từ bỏ hoài bão lớn lao (<i>Bao phen không ngủ mang gươm báo ra mài dưới ánh trăng</i>). + Người tráng sĩ tràn đầy nhiệt huyết cứu nước, tinh thần và ý chí bất khuất. → Biểu tượng cao đẹp của người anh hùng đầy khí phách qua bút pháp cách điệu hoá. */ Ý nghĩa: Hình tượng người tráng sĩ

	trong hai câu kết đã trở thành biểu tượng cho những người anh hùng thất thế mà vẫn hiên ngang, hào hùng - vẻ đẹp bi tráng, góp phần mang lại vị trí đặc biệt và sức sống bất diệt cho bài thơ.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Gv yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 - 6 HS vấn đề sau: Nêu một số biểu hiện của phong cách cổ điển thể hiện qua bài thơ Cảm hoài của Đặng Dung. */ Gợi ý: Phương diện nội dung và nghệ thuật. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm. - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS các nhóm báo cáo KQTL. - Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, phản biện. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chốt lại kiến thức trọng tâm.	4. Phong cách cổ điển thể hiện qua bài thơ - Phương diện nội dung: + Đề tài: nỗi lòng của người tráng sĩ ôm hoài bão lớn lao, cao cả. + Cảm hứng: khẳng định chí lớn - theo những hình mẫu lí tưởng: xoay trục đất, rửa giáp binh và những giá trị vĩnh hằng, bất biến: khát vọng đền nợ nước - đầu đầu đã bạc vẫn mài gươm dưới bóng trăng. - Phương diện nghệ thuật + Thể thơ: thất ngôn bát cú Đường luật với thi luật chặt chẽ. + Chữ viết: chữ Hán. + Không gian: vũ trụ. + Hình tượng thơ: mang tính quy phạm, giàu ý nghĩa biểu tượng “xoay trục đất”, “rửa bình khí”. + Sử dụng điển tích: người hàng thịt, kẻ đi cầu, gươm Long Tuyền. + Giọng điệu, âm hưởng bi hùng.

2.3. Tổng kết

a. Mục tiêu: Học sinh tổng kết được nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi để HS đánh giá tổng quát nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Gv yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi giải quyết vấn đề sau: Khái quát giá trị về nội dung và những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm. - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS chia sẻ ý kiến, quan điểm cá nhân. - Cả lớp theo dõi, nhận xét, phản biện. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện	IV. Tổng kết 1. Nội dung Bài thơ là lời giải bày nỗi lòng trước hoàn cảnh và thời cuộc; đồng thời thể hiện tâm trạng bi tráng, chí khí quật cường và tinh thần kiên trì chiến đấu của người anh hùng lỡ vận. 2. Nghệ thuật - Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, hàm súc cô đọng. - Hình tượng giàu sức gợi, bi tráng, kỳ vĩ. - Biểu tượng thơ giàu ý nghĩa, hàm súc. - Sử dụng điển cố tạo cho câu thơ độ súc

nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của HS và chốt lại kiến thức trọng tâm.	tích và dư âm. - Sử dụng nghệ thuật đối, so sánh... - Giọng điệu hào hùng, bi tráng.
--	--

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp HS kết nối đọc - viết, hình thành năng lực viết đoạn văn về một vấn đề đặt ra từ văn bản.

b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).

c. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một biểu tượng mà anh/chị cho là đặc sắc trong bài thơ <i>Cảm hoài</i> của Đặng Dung. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS xác định vấn đề cần viết. - HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà nghiêm túc và nộp lại vào buổi học tới; có thể nộp trực tiếp hoặc nộp online qua zalo, facebook,... Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc vào tiết học tiếp theo. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.	Gợi ý: - Giới thiệu vị trí của biểu tượng trong bài thơ. - Giải thích ý nghĩa; phân tích giá trị của biểu tượng (tái hiện hình tượng con người, gợi bối cảnh lịch sử của đất nước, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trữ tình,...). Chẳng hạn, các biểu tượng <i>xoay trục đất, rửa bình khí, kéo sông Ngân</i> gắn liền với công cuộc phò tá hậu duệ nhà Trần, chiến đấu chống giặc Minh, giành lại đất nước mà Đặng Dung theo đuổi suốt đời; hoặc biểu tượng người tráng sĩ đầu bạc bao phen mài gươm báu dưới trăng in dấu vẻ đẹp bi tráng của cuộc đời tác giả. - Khẳng định ý nghĩa và sức sống của biểu tượng.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp HS kết nối đọc - viết, hình thành năng lực viết đoạn văn về một vấn đề đặt ra từ văn bản.

b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).

c. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một biểu tượng mà anh/chị cho là đặc sắc trong bài thơ <i>Cảm hoài</i> của Đặng Dung. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS xác định vấn đề cần viết. - HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà nghiêm túc và nộp lại vào buổi học tới; có thể nộp trực tiếp hoặc nộp online qua zalo, facebook,... Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện	Gợi ý: - Giới thiệu vị trí của biểu tượng trong bài thơ. - Giải thích ý nghĩa; phân tích giá trị của biểu tượng (tái hiện hình tượng con người, gợi bối cảnh lịch sử của đất nước, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trữ tình,...). Chẳng hạn, các biểu tượng <i>xoay trục đất, rửa bình khí, kéo sông Ngân</i> gắn liền với công cuộc phò tá hậu duệ nhà Trần, chiến đấu chống giặc Minh, giành lại đất nước mà Đặng Dung theo đuổi suốt đời; hoặc biểu

nhiệm vụ học tập - HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc vào tiết học tiếp theo. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.	tượng người tráng sĩ đầu bạc bao phen mài gươm báu dưới trăng in dấu vẻ đẹp bi tráng của cuộc đời tác giả. - Khẳng định ý nghĩa và sức sống của biểu tượng.
--	--

IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Hướng dẫn tự học bài cũ:

- Nắm được một số đặc điểm của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ *Cảm hoài*.
- Phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ (hình tượng, biểu tượng).

2. Chuẩn bị bài mới: “Tây Tiến” – Quang Dũng”

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Học sinh nhận biết được một số đặc điểm của phong cách lãng mạn được thể hiện trong bài thơ Tây Tiến.
- Học sinh phân tích được giá trị nội dung: nỗi nhớ của tác giả về một bức tranh thiên nhiên miền Tây nơi người lính Tây Tiến hành quân qua và đặc biệt là nỗi nhớ về đơn vị Tây Tiến.
- Học sinh phân tích được những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ: cảm hứng lãng mạn, âm hưởng bi tráng, bút pháp hiện thực, chất nhạc, chất họa, ngôn ngữ hình tượng, biểu tượng ... được kết hợp tài tình trong bài thơ.

2. Về năng lực:

- Học sinh phát triển tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,...
- Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học về văn bản *Tây Tiến*, qua đó rèn luyện năng lực đọc hiểu một bài thơ trữ tình hiện đại.
- Rèn luyện năng lực cảm thụ những đặc trưng thể loại của một tác phẩm thơ.
- Học sinh phát huy năng lực tự học, giao tiếp và sáng tạo, để giải quyết các vấn đề của nhiệm vụ học tập.

3. Về phẩm chất:

- Học sinh có thêm sự yêu quý, trân trọng, biết ơn thế hệ cha ông, những người lính đã xả thân vì sự hòa bình của dân tộc.
- Cảm nhận được nhiệt huyết cứu nước và vẻ đẹp tâm hồn của một thế hệ, một thời đại; qua đó bồi đắp tình yêu quê hương xứ sở và mục đích sống cao đẹp.
- Học sinh thêm trân trọng nền hòa bình mà mình đang được hưởng.
- Học sinh nguyện sẽ cố gắng ra sức học tập để xây dựng và đưa đất nước phát triển đi lên, xứng đáng với công lao của thế hệ cha ông đã ngã xuống....

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Giáo viên:** SGK, sách giáo viên, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập
2. **Học sinh:** SGK, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. **Mục tiêu hoạt động:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung thực hiện:

GV nêu câu hỏi: Em đã học, đã đọc những bài thơ nào viết về đề tài người lính cách mạng Việt Nam? Hãy kể tên tác phẩm? Tác giả? Và đọc một vài câu thơ mà em thích nhất.

- HS theo dõi và đưa ra đáp án của mình

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập ? Em hãy kể tên tác phẩm, tác giả mà em đã học hoặc đã đọc viết về đề tài người lính cách mạng Việt Nam ? Hãy đọc diễn cảm một đoạn trích mà em thích nhất Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS theo dõi và chia sẻ	- <i>Đồng chí</i> – Chính Hữu - <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> – Phạm Tiến Duật... - <i>Màu tím hoa sim</i> – Hữu

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Chia sẻ của HS Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học. Đề tài người lính cách mạng Việt Nam vốn là một đề tài khá lớn, được nhiều nhà thơ, văn khai thác. Ở mỗi tác giả có những sự khám phá khác nhau, và để các em có thêm những góc nhìn mới về đề tài này, hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài thơ Tây Tiến của tác giả Quang Dũng	Loan - <i>Việt Bắc</i> – Tố Hữu - Sản phẩm riêng của mỗi học sinh
--	---

2. Hoạt động hình thành kiến thức

* Hoạt động 1 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS nêu và nắm được một số thông tin về tác giả, tác phẩm
- HS xác định được bố cục của bài thơ, nội dung từng phần.

b. Nội dung: HS hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm theo hướng dẫn của giáo viên

c. Sản phẩm: Phiếu học tập HS đã hoàn thành

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Đọc: Gv hướng dẫn cách đọc và yêu cầu học sinh đọc trước ở nhà, chú ý phần phụ chú. Gv đọc một đoạn, gọi học sinh đọc các đoạn tiếp theo. Giáo viên phát phiếu học tập về tác giả, tác phẩm B2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc văn bản theo hướng dẫn của giáo viên -HS tham khảo sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, để hoàn thành nhiệm vụ thông tin, tìm hiểu tác giả, tác phẩm và hoàn thành phiếu B3. Báo cáo thảo luận -Gv gọi hs trình bày sản phẩm phần tìm hiểu đã chuẩn bị ở nhà -Gv tổ chức hco học sinh nhận xét, góp ý bổ sung để hoàn thiện B4. Đánh giá kết quả thực hiện -GV nhận xét, đánh giá, kết quả làm việc của học sinh -Giáo viên chốt những kiến	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Quang Dũng (1921-1988), tên khai sinh là Bùi Đình Diệm. Quê huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) - Sau Cách mạng tháng Tám ông tham gia quân đội. Từ sau 1954 là biên tập viên Nhà xuất bản Văn học. - Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, vẽ tranh và soạn nhạc nhưng ông được biết đến nhiều nhất với tư cách một nhà thơ. Thơ ông hồn hậu mà tinh tế, phóng khoáng, giàu cảm hứng lãng mạn. Đặc biệt ngôn ngữ thơ vừa mang màu sắc cổ điển vừa mới lạ, hiện đại lại đậm chất nhạc và chất họa... 2. Văn bản - Hoàn cảnh sáng tác: 1948 tại Phù Lưu Chanh, khi tác giả đã rời xa đơn vị Tây Tiến - Xuất xứ tác phẩm: in trong tập Mây đầu ô. Tác phẩm ban đầu được Quang Dũng đặt “Nhớ Tây Tiến”. Sau này, khi in trong tập <i>Mây đầu ô</i> tác giả bỏ đi từ <i>Nhớ</i> . - Cảm hứng chủ đạo: Tình cảm gắn bó sâu nặng với đoàn quân Tây Tiến, thiên nhiên, con người Tây Bắc và tình yêu đất nước. - Nhan đề Tây Tiến: - Đây là tên đơn vị quân đội: được thành lập đầu năm 1947 - Lực lượng chủ yếu là: học sinh, sinh viên trí thức Hà Nội - Nhiệm vụ: bảo vệ biên giới Việt Lào và đánh tiêu hao một phần quân đội Pháp - Địa bàn hoạt động: khá rộng gồm các tỉnh Sơn La, Lai

thức cơ bản	Châu, Hòa Bình, miền tây Thanh Hóa và cả Sầm Nưa (Lào) - Điều kiện hành quân: vô cùng gian khổ, thiếu thốn, bệnh tật hoành hành... - Tinh thần đơn vị Tây Tiến: luôn lạc quan, yêu đời và vô cùng dũng cảm - <i>Bố cục:</i> - Phần 1 – 14 câu thơ đầu: “<i>Sông Mã ... thom nếp xôi</i>”: Nỗi nhớ của tác giả về bức tranh thiên nhiên miền Tây và hình ảnh hành quân của người lính Tây Tiến - Phần 2 – 8 câu tiếp: “<i>Doanh trại ... hoa đong đưa</i>”: Nỗi nhớ của tác giả về những kỉ niệm đẹp về tình quân dân trong đêm liên hoan và cảnh thiên nhiên sông nước miền Tây - Phần 3 – 8 câu tiếp “<i>Tây Tiến đoàn ... khúc độc hành</i>”: Nỗi nhớ của tác giả về tập thể người lính Tây Tiến - Phần 4 – 4 câu cuối “<i>Tây Tiến ... chẳng về xuôi</i>”: Lời thề gắn bó với đoàn quân Tây Tiến
-------------	--

*** Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

a. Mục tiêu:

- Hs phân tích, đánh giá nội dung của từng phần, làm nổi bật được nỗi nhớ của Quang Dũng về bức tranh thiên nhiên nơi người lính đi qua và đặc biệt là nỗi nhớ về người lính Tây Tiến.
- Hs phân tích và đánh giá được những đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng: ngôn ngữ thơ vừa mang màu sắc cổ điển vừa mới lạ, hiện đại đậm chất nhạc và chất họa, âm hưởng bi tráng và cảm hứng lãng mạn được kết hợp với bút pháp hiện thực...
- Hs hiểu hơn về một giai đoạn lịch sử của đất nước thời kì kháng chiến chống Pháp, thêm yêu quý, tự hào về người lính Việt Nam, biết ơn thế hệ cha ông. Trân trọng nền hòa bình đang có, ra sức học tập, để xây dựng đất nước...

b. Nội dung:

- Hs sử dụng sách giáo khoa liệu tham khảo trên mạng, chuẩn bị theo hướng dẫn của giáo viên
- Hoàn thành phiếu học tập, trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập học sinh hoàn thành
- Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Cảm nhận 14 câu thơ đầu B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv yêu cầu hs trao đổi theo hình thức nhóm đôi để giải quyết các vấn đề sau: - Bài thơ viết về đề tài gì? - Cảm hứng chủ đạo của bài thơ Tây Tiến là gì?	II. Khám phá văn bản 1. Đề tài và cảm hứng chủ đạo - Bài thơ viết về đề tài chiến tranh và người lính. - Cảm hứng chủ đạo của bài thơ Tây Tiến là cảm hứng lãng mạn và cảm hứng bi tráng. 2. Hình tượng nhân vật trữ tình 2.1. Nhân vật trữ tình bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ qua hai câu thơ đầu:

- Hình tượng nhân vật trữ tình
+ Nhân vật trữ tình bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ như thế nào qua hai câu thơ đầu?

+ Trong nỗi nhớ của nhân vật trữ tình, những điểm nhớ kí ức: nhớ về thiên nhiên (rừng núi), nhớ về đoàn quân (Tây Tiến), nhớ về tình quân dân, nhớ về hình ảnh người lính được gọi lên như thế nào?

- Nêu ấn tượng về trạng thái cảm xúc được tác giả thể hiện ở hai câu thơ đầu

- Tìm những từ ngữ, chi tiết miêu tả bức tranh thiên nhiên, hình ảnh người lính được thể hiện trong các câu, đoạn nhỏ đó. Em hình dung như thế nào về bức tranh thiên nhiên và con đường hành quân của người lính Tây Tiến?

- Em hãy nêu cảm nhận về nhạc điệu trong bốn câu thơ “Dốc lên khúc khuỷu... mưa xa khơi”

- Đánh giá khái quát về bức tranh thiên nhiên và hình ảnh người lính hành quân trong 14 câu thơ đầu

- Kết đọng trong nỗi nhớ: sông Mã, Tây Tiến, rừng núi, nhớ về Sông Mã là nhớ về Tây Tiến. Đó là nơi gửi chôn về trong nỗi nhớ của người lính.

- Nỗi nhớ “chơi vơi” thể hiện độ lùi của thời gian và độ nhoe của cảm xúc, nỗi nhớ tiềm ẩn và lan toả, lúc đậm, lúc nhạt.

- Hai câu thơ đầu đã định hướng và chi phối cảm xúc cho cả bài thơ, nỗi nhớ khơi nguồn cho kí ức lần lượt hiện về.

2.2. Hình tượng nhân vật trữ tình được khắc hoạ qua nỗi nhớ. Đó là nỗi nhớ về thiên nhiên (rừng núi), đoàn quân (Tây Tiến), nhớ về tình quân dân, nhớ về người lính.

a. Nhớ về thiên nhiên miền Tây Bắc và những cuộc hành quân của đoàn quân Tây Tiến

- **Câu 3 - 4:**

“Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi,
Mường Lát hoa về trong đêm hơi”

+ **Bút pháp tả thực: *Sương mù vùng cao như che lấp, nuốt chửng đoàn quân hành quân mỗi mệt.***

+ **Kết hợp bút pháp lãng mạn: “Mường Lát hoa về trong đêm hơi”, gọi không gian huyền ảo: cảnh vật về khuya phủ đầy hơi sương lạnh giá.** Câu thơ với nhiều thanh bằng: Tạo cảm xúc lâng lâng trong lòng người chiến sĩ khi bắt gặp cảnh hoa nở giữa rừng

→ Mỗi mảnh đất đi qua có một dấu ấn riêng, ẩn trong đó là hình ảnh người lính hành quân vất vả, gian khổ nhưng tâm hồn yêu đời, lạc quan

- **Bốn câu tiếp theo:**

“Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm

.....

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”

- Điệp từ: dốc, ngàn thước nhấn mạnh địa bàn lắm dốc, nhiều thác vô cùng nguy hiểm

- Nhiều từ láy gợi hình được sử dụng: *khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút* diễn tả địa hình hiểm trở, gập ghềnh, gấp khúc, vừa gợi độ cao, vừa gợi chiều sâu như không biết đâu là giới hạn cuối cùng.

- Nghệ thuật đối: lên cao, xuống thấp, câu thơ như có chất họa, bị bẻ làm đôi diễn tả dốc núi vút lên, đổ xuống gần như thẳng đứng, nhìn lên cao chói vót, nhìn xuống sâu thăm thẳm, hình dung diễn tả đúng thế núi đồi, lên cao, rồi xuống thấp. Hình dung sự khó nhọc trên chặng đường hành quân leo dốc gian khổ

B2. Thực hiện nhiệm vụ

-Hs trao đổi nhanh với bạn bên cạnh và đưa ra câu trả lời cho cặp nhóm mình theo những yêu cầu của giáo viên

B3. Báo cáo thảo luận

-Đại diện 1-2 nhóm đứng tại chỗ trình bày kết quả của nhóm mình
-Hs những nhóm khác nhận xét, bổ sung, nếu cần
-Gv theo dõi, điều hành, hỗ trợ hs

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

- Hai chữ *ngủ trời* :vừa đặc tả độ cao chót vót của núi (Người lính trèo lên ngọn núi cao dường như đang đi trong mây nổi thành cơn “*heo hút*”, mũi súng như chạm đến đỉnh trời)

vừa thể hiện tính chất tinh nghịch, khí phách ngang tàng, coi thường hiểm nguy của người lính Tây Tiến.

+ Câu thơ thứ tư đối lập với ba câu trên: “*Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*”, làm cho đoạn thơ có chất nhạc trong đó. Được dệt toàn thanh bằng, âm *ơi* kết thúc dòng thơ: câu thơ nhẹ như nhịp thở thư giãn của người lính. Nếu ba câu trên là nốt cao trong một bản nhạc thì câu thơ thứ tư chính là một nốt nhạc trầm nhẹ.

+ Người lính tạm dừng chân bên một dốc núi, phóng tầm mắt ra xa, thấy một không gian mịt mù sương rừng, mưa núi, thấy thấp thoáng những ngôi nhà như đang bồng bênh trôi giữa biển khơi.

→ Thiên nhiên vô cùng hiểm trở, gập ghềnh, dốc cao, vực sâu, ẩn trong đó là hình ảnh người lính hành quân gian khổ nhưng hết sức yêu đời, tinh nghịch

- **Hai câu tiếp theo:**

“*Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời*”

- Từ láy dãi dầu, diễn tả sự dãi nắng, dầm mưa, vất vả, gian khổ trên con đường hành quân của người lính.

- Nghệ thuật nói giảm nói tránh: không bước nữa, bỏ quên đời, diễn tả sự ra đi hết sức nhẹ nhàng, thanh thản nhưng luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu của người lính Tây Tiến.

→ Hình ảnh người lính hành quân gian khổ, có cả sự hi sinh nhưng vẫn toát lên tư thế kiên cường, sẵn sàng chiến đấu.

- **Hai câu tiếp theo:**

+ Điệp từ: chiều chiều, đêm đêm nhằm nhấn mạnh không chỉ một chiều, một đêm mà nhiều chiều, nhiều đêm, không chỉ ban đêm mà thậm chí cả ban ngày

+ Cái hoang vu, hiểm trở tiếp tục được khai thác theo chiều thời gian:

+ Nhân hóa âm thanh: tiếng “*thác gầm thét*” trong mỗi buổi chiều, hình ảnh: “*cọp trêu người*” đêm đêm gợi thiên nhiên hoang sơ, bí ẩn

+ Cách dùng động từ vô cùng độc đáo, đặc sắc *cọp “trêu”* (chứ không phải *vồ người, xé xác người*),

Nhiệm vụ 2: Tám câu tiếp theo B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Trong kí ức của ức của nhân vật trữ tình, hình ảnh đêm lửa trại, và con người, cuộc sống miền Tây Bắc hiện lên với những nét đặc sắc gì? Những hình ảnh đó góp phần làm nổi bật hình tượng	gợi sự trẻ trung, tinh nghịch của chất lính, làm giảm bớt sự khắc nghiệt của thiên nhiên. → Gọi không gian hoang vu, rừng thiêng nước độc, đầy bí hiểm, dữ dội - Đoạn thơ kết thúc đột ngột bằng hai câu thơ: “Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói, Mai Châu mùa em thơm nếp xôi”. + Cảnh tượng thật đầm ấm: Sau chặng đường hành vất vả, người lính quây quần bên nồi cơm bốc khói + Bát xôi nghi ngút khói và hương lúa nếp ngày mùa được trao từ tay em : làm ấm lòng người chiến sĩ, xua tan vẻ mệt mỏi + Kết hợp từ khá lạ, quan hệ từ bị lược bớt: “mùa em” → làm giọng thơ ngọt ngào, êm dịu, ấm áp, chuẩn bị tâm thế cho người đọc cảm nhận đoạn tiếp theo. b. Nhớ về những kỉ niệm trong đêm liên hoan và thiên nhiên sông nước miền Tây trong 8 câu tiếp theo. * Bốn câu thơ đầu- cảnh liên hoan văn nghệ “Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa ...Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ” + Địa điểm: diễn ra buổi liên hoan văn nghệ: ở doanh trại – nơi đóng quân của người lính. + Thành phần: người lính và người dân bản địa trong đó đặc biệt phải kể đến là nhân vật trung tâm, nhưng người em gái dân tộc bản địa vừa e thẹn vừa tính tú (<i>e ấp</i>), vừa duyên dáng trong điệu vũ xù xì (<i>man điệu</i>) + Hoạt động: ca hát, nhảy múa quanh đóm lửa lớn + Động từ “bùng” làm không gian như sáng rực lên, lung linh, sáng cả không gian núi rừng + Hai chữ “kìa em”: cái nhìn vừa ngạc nhiên vừa mê say, ngây ngất của các chàng trai Tây Tiến → Người lính Tây Tiến nhập cuộc, hòa mình say sưa theo âm điệu dìu dặt, đưa hồn về những chân trời mới, xây hồn thơ với bao mộng ước ngọt ngào: “Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”. *Bốn câu cuối, cảnh sông nước miền Tây: “Người đi Châu Mộc chiều sương ấy, ...Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa” - Không gian và thời gian: Dòng sông trong một buổi chiều giăng mắc một màu sương; sông nước, bến bờ lặng tờ, hoang đại như thời tiền sử, mênh mông, nhoè mờ, ảo mộng - Con người:
---	---

người lính Tây Tiến như thế nào?

- Phân tích những đặc sắc nội dung, nghệ thuật trong đoạn trích
- So sánh thiên nhiên trong phần này với 14 câu thơ đầu

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Cá nhân thực hiện trả lời câu hỏi
- Nhóm đôi – hoàn thành bảng so sánh

B3. Báo cáo thảo luận

Nhóm đôi thảo luận để hoàn thành
bảng; Đại diện báo cáo kết quả

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

+ *dáng người trên độc mộc*: dáng hình mềm mại, uyển chuyển của những cô gái Thái trên những chiếc thuyền độc mộc

+ Vẻ đẹp của con người hoà hợp với vẻ đẹp của thiên nhiên: những bông hoa rừng cũng “*đong đưa*”, làm duyên trên dòng nước lũ.

+Thiên nhiên mang vẻ mềm mại, duyên dáng khác hẳn với những nét khoẻ khoắc, gân guốc khi đặc tả cảnh dốc đèo ở khổ trên

→ Ngôn ngữ tạo hình, vài nét gợi tả chấm phá, giàu tính nhạc, chất thơ hoà quyện: thể hiện vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình của thiên nhiên và con người.

c. Nỗi nhớ chân dung người lính Tây Tiến:

***Ngoại hình**

- **Vừa bi:** Ngoại hình khác thường do hiện thực nghiệt ngã:

+ “*không mọc tóc*”: người thì cạo trọc đầu để thuận tiện khi giáp lá cà, người thì bị sốt rét đến rụng tóc

+ “*Quân xanh màu lá*”: nước da xanh xao do ăn uống thiếu thốn, sốt rét, bệnh tật hành hạ, trang phục xanh hay màu ngụy trang bởi lá rừng...

- **Vừa hùng:** không né tránh hiện thực khốc liệt của chiến tranh nhưng qua cái nhìn lãng mạn

+ “đoàn binh không mọc tóc”: “đoàn binh” chứ không phải “đoàn quân” → hào hùng

+ “*Quân xanh màu lá*” nhưng vẫn “*đữ oai hùm*”, nghệ thuật tương phản đối lập giữa ngoại hình bên ngoài với sức mạnh bên trong

→ Hai câu đầu miêu tả ngoại hình bên ngoài có vẻ kì dị, ốm yếu, xanh xao nhưng lại mang phong thái oai phong, dữ tợn, uy nghi như chúa sơn lâm của binh đoàn Tây Tiến

*** Khí phách:** “*Mắt trừng*” là ánh mắt dữ tợn khi đối mặt với quân thù, luôn ở tư thế tấn công với khí phách hiên ngang, với tinh thần sẵn sàng bảo vệ miền biên cương của Tổ quốc.

*** *Tâm hồn***

- Nhớ người yêu, những cô gái Hà Thành duyên dáng, xinh đẹp

- Diễn tả đúng thế giới tâm hồn bên trong đầy mộng mơ của họ, trở thành động lực để giúp người lính Tây Tiến vượt qua mọi khó khăn, gian khổ

→ Khắc họa vẻ đẹp của người lính trong nhiệm vụ cũng như vẻ đẹp tâm hồn của họ

*** *Sư hi sinh***

Nhiệm vụ 3:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hình tượng đoàn binh Tây Tiến
được gợi ra qua những từ ngữ,
hình ảnh nào? Khái quát đặc điểm
của hình tượng này

Đánh giá nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Cá nhân thực hiện trả lời câu hỏi
- Nhóm lớn - hoàn thành nội dung

B3. Báo cáo thảo luận

Nhóm đôi thảo luận để hoàn thành bảng; Đại diện báo cáo kết quả

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

-Sử dụng từ Hán Việt cổ kính: “*Rải rác biên cương mồ viễn xứ*”, tạo không khí trang trọng, thiêng liêng, làm giảm nhẹ cái bi thương của hình ảnh những nấm mồ chiến sĩ rải rác nơi rừng hoang biên giới lạnh lẽo, xa xôi.

+ Phủ định từ “*chẳng*” (khác với *không*- sắc thái trung tính) và cách nói hoán dụ “*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*”, thái độ kiên quyết hi sinh vì Tổ quốc, lí tưởng quên mình thật cao đẹp làm vơi đi cái đau thương.

+ Cách nói giảm nói tránh “*anh về đất*”, làm vơi đi cảm giác đau thương, ẩn chứa hàm nghĩa: chết là hoá thân với đất mẹ, là hoá thân với non sông đất nước, cái chết trở thành bất tử cùng hồn thiêng sông núi.

+ *Áo bào thay chiếu*: sự thật bi thảm: những người lính Tây Tiến gục ngã bên đường không có đến cả manh chiếu để che thân, phải mai táng bằng chính chiếc áo các anh mặc hàng ngày. Bằng cảm hứng lãng mạn dưới góc nhìn của Quang Dũng người lính Tây Tiến không may ngã xuống như được khoác trên mình tấm “áo bào”: nghe trang trọng, thiêng liêng, thể hiện tình cảm yêu thương đồng đội.

+ Biện pháp nhân hoá + động từ “*gầm*”: dữ dội, hào hùng → âm thanh làm át đi cảm xúc bi thương: gọi về sự ra đi của những anh hùng nghĩa sĩ thuở xưa

→ đưa tiễn người là khúc nhạc bi tráng của núi sông → cái chết thấm đẫm tinh thần bi tráng
=> Giọng thơ trang trọng: thể hiện tình cảm tiếc thương và sự trân trọng, kính cẩn trước sự hi sinh của đồng đội. Hai cảm hứng lãng mạn và bi tráng đan cài dựng nên tượng đài bất tử trong thơ.

d. Nhớ về tinh thần người lính Tây Tiến

- Cách nói khẳng định: “*Tây Tiến người đi không hẹn ước*” → tô đậm cái không khí chung của một thời Tây Tiến với lời thề kim cổ: ra đi không hẹn ngày về, một đi không trở lại (*nhất khứ bất phục hoàn*)

- Đường lên Tây Tiến: “*thăm thẳm, chia phôi*”: nỗi xót xa khi đã xa đồng đội, khi nghĩ đến đường lên Tây Tiến xa xôi, vơi vợi.

- Nhà thơ khẳng định tâm hồn mình thuộc về Tây Tiến:

“*Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy*”

Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi”

+ *Mùa xuân ấy*: thời điểm lịch sử không bao giờ

Nhiệm vụ 4: B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hình tượng đoàn binh Tây Tiến được gọi ra qua những từ ngữ, hình ảnh nào? Khái quát đặc điểm của hình tượng này Đánh giá nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ B2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh thực hiện trả lời câu hỏi - Nhóm lớn - hoàn thành nội dung B3. Báo cáo thảo luận Nhóm đôi thảo luận để hoàn thành bảng; Đại diện báo cáo kết quả B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản Nhiệm vụ 5: B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Phân tích một số hình thức tổ chức ngôn ngữ đặc biệt trong bài thơ Tây Tiến. - Chỉ ra một số biểu hiện của phong cách lãng mạn trong bài thơ. Phân tích một biểu hiện mà em cho là đặc sắc. B2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh thực hiện trả lời câu hỏi - Nhóm lớn - hoàn thành nội dung B3. Báo cáo thảo luận Nhóm đôi thảo luận để hoàn thành bảng; Đại diện báo cáo kết quả B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	trở lại → môt thương nhớ vĩnh viễn trong trái tim những người lính Tây Tiến một thời + Cách nói đối lập: <i>Sầm Nứa</i> >< <i>về xuôi</i> (tâm hồn) (thể xác) → Sự gắn bó sâu nặng với đoàn quân Tây Tiến: dù đã rời xa nhưng tâm hồn, tình cảm vẫn đi cùng đồng đội, vẫn gắn bó máu thịt với những ngày, những nơi đã đi qua => Nhịp thơ chậm, giọng thơ trầm buồn nhưng vẫn toát lên vẻ hào hùng, ý chí, quyết tâm của người lính Tây Tiến 3. Ngôn ngữ và biểu tượng – Trong bài thơ <i>Tây Tiến</i>, một số câu thơ được tổ chức theo hình thức ngôn ngữ đặc biệt (khác với lời nói thông thường) như: “Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi”; “Mường Lát hoa về trong đêm hơi”; “Heo hút cồn mây súng ngửi trời”; “Gục lên súng mũ bỏ quên đời”; “Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”. Ví dụ: – “Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm”, sử dụng “dốc thăm thẳm”: kết hợp từ mới mẻ vì “thăm thẳm” là từ chỉ độ sâu chứ không phải độ cao. – “Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”, sử dụng toàn thanh bằng: gợi vẻ đẹp yên bình, nhẹ nhàng của vùng núi Tây Bắc. 4. Phong cách lãng mạn – Một số biểu hiện của phong cách lãng mạn trong bài thơ <i>Tây Tiến</i>: + Cảm hứng: Khẳng định, ngợi ca lí tưởng cứu nước, khí phách anh hùng và sự hi sinh cao cả của người lính Tây Tiến. + Hình tượng: Khám phá, khắc họa vẻ đẹp tâm hồn tinh tế, phóng khoáng, mơ mộng, lãng mạn của người lính Tây Tiến. + Ngôn ngữ: Sự sáng tạo trong tổ chức theo hình thức ngôn ngữ đặc biệt, hình ảnh độc đáo. + Sử dụng nhiều yếu tố tương phản: khi khắc họa hình tượng thiên nhiên Tây Bắc và hình tượng đoàn quân Tây Tiến.
---	---

*** Hoạt động 3: Tổng kết**

a. Mục tiêu: Khái quát lại toàn bộ nội dung, nghệ thuật của văn bản

b. Nội dung: Giáo viên nêu nhiệm vụ, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm của học tập:

- Câu trả lời của học sinh, bằng giấy nháp, ghi lại kết quả làm việc cá nhân
- Hoàn thành phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS tổng hợp kiến thức bài học * Chia nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ: Nhóm 1: GV trực tiếp hướng dẫn để nhóm 1 tổng hợp kiến thức chung về bài học. Nhóm 2: Nêu nhận xét khái quát về bức tranh thiên nhiên trong bài thơ Nhóm 3: Nêu nhận xét về hình tượng người lính Tây Tiến được thể hiện trong bài thơ. Nhóm 4: Nhận xét về các giá trị nghệ thuật Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ đã phân công Bước 3. Các nhóm hoàn thành phiếu học tập và trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét góp ý bổ sung GV kiểm tra phiếu học tập sau tiết học. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét và chốt kiến thức.	III. Tổng kết *Về nội dung: Thông qua nỗi nhớ về một đơn vị, một vùng đất, một quãng đời chiến đấu, bài thơ đã thể hiện hào khí của tuổi trẻ Việt Nam trong buổi đầu chống Pháp đầy gian lao. *Giá trị nghệ thuật - Cảm hứng lãng mạn trong văn học là cảm hứng khẳng định cái tôi tràn đầy tình cảm, cảm xúc, hướng về lí tưởng. Nó đi tìm cái đẹp trong những cái khác lạ, phi thường độc đáo, vượt lên những cái tầm thường, quen thuộc của đời sống hàng ngày, nó đề cao nguyên tắc chủ quan, phát huy cao độ sức mạnh của trí tưởng tượng liên tưởng. Cảm hứng lãng mạn cũng thường tìm đến cách diễn đạt khoa trương, phóng đại, đối lập, ngôn ngữ giàu tính biểu cảm và tạo được ấn tượng mạnh mẽ.. Cảm hứng lãng mạn đã trở thành cảm hứng chủ đạo trong sáng tác, nó nâng đỡ con người có thể vượt lên mọi thử thách trong máu lửa của chiến tranh gian khổ để hướng đến ngày chiến thắng. Có thể nói đây là dòng cảm hứng xuyên suốt bài thơ, đọng lại trong lòng người nghe những thanh vang về nét đẹp con người, thiên nhiên Tây Bắc. Thiên nhiên nơi đây hiện lên thật nên thơ, trữ tình: - Âm hưởng bi tráng. Bi tráng trong tác phẩm văn học được thể hiện ở việc miêu tả hiện thực, không né tránh cái bi, tức cái gian khổ, đau thương. Cái bi nhưng không phải là bi lụy mà là bi tráng, hào hùng. Là cái chết nhưng không bi lụy mà là cái chết hào hùng liêm liệt, cái chết đi vào cõi bất tử. Cái bi thường được biểu hiện ở giọng điệu, âm hưởng, màu sắc tráng lệ hào hùng. - Trên nền thiên nhiên Tây Bắc dữ dội và huyền ảo, nhà thơ tô đậm hình ảnh đoàn quân Tây Tiến hào hùng và hào hoa bằng bút pháp lãng mạn, nhưng không thoát li hiện thực và cảm hứng bi tráng. Bài thơ viết về chiến tranh, nhưng Quang Dũng không hề nói đến trận đánh, tiếng súng. Nhưng người đọc vẫn hình dung được sự khốc liệt của chiến tranh. Bởi bài thơ viết nhiều về sự hi sinh của người lính. Nhưng bằng ngòi bút tài hoa lãng mạn và cảm hứng bi tráng, Quang Dũng đã miêu tả điều đó một cách thấm thía, xúc động, hào hùng.

PHIẾU HỌC TẬP

Họ và tên:.....

Lớp:.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 (NHÓM 1)

TÌM HIỂU KHÁI QUÁT BÀI THƠ TÂY TIẾN

- Hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ tác phẩm:

.....

- Nhan đề Tây Tiến:

.....

- Đề tài và cảm hứng chủ đạo:

.....

- Bố cục:

.....

.....

Họ và tên:.....

Lớp.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 (NHÓM 2)

BỨC TRANH THIÊN NHIÊN MIỀN TÂY TRONG BÀI THƠ TÂY TIẾN

- 14 câu thơ đầu::

.....

.....

.....

.....

- 8 câu thơ tiếp theo:

.....

.....

.....

Họ và tên:.....

Lớp.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 (NHÓM 3)

NGƯỜI LÍNH TÂY TIẾN TRONG BÀI THƠ TÂY TIẾN

- 14 câu thơ trong khổ đầu::

.....

.....

- 8 câu thơ khổ 2:

.....

.....

- 8 câu thơ khổ 3:

.....

.....

.....
.....
- 4 câu thơ cuối:
.....
.....

Họ và tên:.....

Lớp:.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4 (NHÓM 4)

THỦ PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG BÀI THƠ TÂY TIẾN

- Bút pháp hiện thực

.....
.....
.....

- Cảm hứng lãng mạn:

.....
.....
.....

- Âm hưởng bi tráng

.....
.....
.....

- Các thủ pháp nghệ thuật khác:

.....
.....
.....

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung bài học giáo viên tổ chức cho học sinh kết nối đọc – viết để đánh giá năng lực cảm thụ tác phẩm của học sinh cuối bài

b. Nội dung thực hiện: Giáo viên yêu cầu học sinh viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày cảm nhận của em về một nét đẹp của hình tượng người lính Tây tiến

c. Sản phẩm: Học sinh viết đoạn văn

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ yêu cầu học sinh viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày cảm nhận của em về một nét đẹp của hình tượng người lính Tây tiến Chú ý phải nói được nội dung và nghệ thuật.	IV. LUYỆN TẬP Bài làm tham khảo Đọc bài thơ Tây Tiến của tác giả Quang Dũng, người đọc chúng ta vô cùng ấn tượng với nhiều vẻ đẹp rất đáng trân trọng của người lính Tây Tiến. Một trong những vẻ đẹp tiêu biểu đó chính là tinh thần lạc quan, yêu đời,. Trên con đường hành quân đầy gian khổ, gập ghềnh, những chàng trai trí thức Hà Nội luôn mở rộng lòng mình đón nhận bức tranh thiên nhiên của núi rừng Tây Bắc “hoa về trong đêm hơi”. Núi cao, vực sâu, khi vượt qua những địa hình hiểm trở, dường như họ không
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	

vụ Học sinh thực hiện câu trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh lựa chọn ô chữ bí ẩn, trả lời câu hỏi Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện GV chốt ý theo bài làm của HS	nghĩ đến những mệt mỏi, vất vả, gian khổ, thiếu thốn mà người đọc nhận thấy một sự lạc quan, yêu đời, trẻ trung chất lính qua cách dùng từ vô cùng độc đáo của tác giả “súng ngửi trời” hay như “cọp trên người”. Qua cách dùng những động từ “ngửi, trên” của tác giả gợi cho người đọc chúng ta thấy binh đoàn Tây Tiến với tinh thần lạc quan đã vượt lên mọi hoàn cảnh khó khăn. Có thể bệnh tật hoành hành, thậm chí có cả hi sinh nhưng những người lính luôn hướng về phía trước, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, “chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”. Bằng bút pháp hiện thực kết hợp với cảm hứng lãng mạn tác giả Quang Dũng đã làm nổi bật nét đẹp trẻ trung, yêu đời của người lính Tây Tiến trong thời kì kháng chiến chống Pháp.
--	--

4. **Hoạt động vận dụng**

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh tham gia trò chơi ô chữ bí ẩn, để hệ thống lại một số kiến thức đã học

b. Nội dung thực hiện: GV đưa vấn đề: Giáo viên trình chiếu trò chơi ô chữ và cho học sinh lựa chọn ô chữ yêu thích để khám phá.

c. Sản phẩm: Bài viết sáng tạo, trình chiếu của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Câu 1, 7 chữ cái, bài thơ Tây Tiến được in trong tập thơ này? Câu 2, 14 chữ cái, Quang Dũng là nhà thơ của ... Câu 3, 13 chữ cái, vẻ đẹp nổi bật của hồn thơ Quang Dũng Câu 4, 8 chữ cái, tên địa danh xuất hiện trong bài thơ Tây Tiến Câu 5, từ khóa, có 6 chữ cái, đây là một tính từ thể hiện cảm xúc chủ đạo xuyên suốt bài thơ Tây Tiến. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện câu trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh lựa chọn ô chữ bí ẩn, trả lời câu hỏi Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện GV chốt ý theo bài làm của HS	- Mây đầu ô - Xứ Đoài hoa trắng - Tài hoa, lãng mạn - Pha Luông - Nỗi nhớ

IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Hướng dẫn tự học bài cũ: Tìm hiểu thêm về những bài thơ viết về đề tài người lính thời kì kháng chiến chống Pháp, và cho biết điểm chung của người lính trong những bài thơ ấy. Mỗi nhóm tạo một bài thuyết trình Powertpoint, để buổi sau trình bày.
2. Chuẩn bị bài mới: “Đàn ghi ta của Lor-ca – Thanh Thảo”

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 16.17

VĂN BẢN 3: ĐÀN GHI TA CỦA LOR-CA (Thanh Thảo)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực,... được thể hiện trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*. Qua đó, cảm nhận được vẻ đẹp bi tráng của hình tượng Lor-ca và sự đồng cảm, thương tiếc, ngưỡng vọng sâu sắc của Thanh Thảo với cuộc đời, số phận và thơ ca của Lor-ca.
- Rèn luyện kỹ năng phân tích, bình giảng một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực.

2. Phẩm chất: Đánh giá, phê bình, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân khi tiếp nhận văn bản thơ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát các bức tranh trên màn hình và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu vấn đề:

- Theo em, những bức tranh sau nói gì?



- Từ những bức tranh trên, em liên tưởng đến trường phái/chủ nghĩa nghệ thuật nào? Hãy chia sẻ ngắn gọn hiểu biết của mình về chủ nghĩa nghệ thuật đó.

Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát tranh, nghe câu hỏi, suy nghĩ trả lời cá nhân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 3-5 HS xung phong trả lời nhanh theo cảm nhận và hiểu biết cá nhân.

- HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung, phản biện.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV dự kiến kết quả:

+ **Bức tranh thứ nhất:** *Chân dung Ambroise Vollard* là một trong những bức tranh nổi tiếng của Picasso, hoàn thành vào năm 1910. Tác phẩm vẽ chân dung của Ambroise Vollard, một nhà môi giới nghệ thuật và nhà báo nổi tiếng thế kỷ 20. Họa sĩ Picasso đã sử dụng các hình khối không đồng nhất để tái hiện hình ảnh nhân vật, tạo ra một tác phẩm độc đáo và sáng tạo.

+ **Bức tranh thứ hai:** *Con mèo nuốt chửng một con chim* là một bức tranh nổi tiếng được Picasso vẽ vào năm 1939 khơi gợi những liên tưởng độc đáo được xem như một biểu tượng của sự ám ảnh và sức mạnh tự nhiên; trong khi có người lại khẳng định: Không, bức tranh này không nói về mèo. Anh ấy nói về tình hình ở Tây Ban Nha, giữa Nội chiến sắp kết thúc với chiến thắng của Franco.

- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS, trao thưởng hoặc cho điểm.

- GV dẫn vào bài: Những bức tranh nổi tiếng của họa sĩ người Tây Ban Nha gợi chúng ta liên tưởng đến trường phái Siêu thực (Surrealism) là khuynh hướng nghệ thuật bắt nguồn từ chủ nghĩa Tượng trưng và phân tâm học, đặt phi lý tính lên trên lý tính. Theo chủ trương, khuynh hướng này nhằm giải phóng con người khỏi mọi xiềng xích xã hội, thể hiện nội tâm và tư duy tự nhiên, không bị gò bó bởi lý trí, lôgic, luân lý, mỹ học, kinh tế, tôn giáo. Những sáng tác của những nghệ sĩ Siêu thực ghi chép tất cả những trạng thái tâm lý luôn luôn chuyển biến trong tiềm thức, không phân biệt thực hay mộng, tỉnh hay điên, đúng hay sai. Đó là nghệ thuật, nghệ thuật luôn gắn liền với những biểu tượng, khơi mở những trường liên tưởng phong phú, độc đáo. Hôm

nay cô trò mình cùng đến với một bài thơ nhuộm màu sắc tượng trưng siêu thực mang tên *Đàn ghi ta của Lor-ca* của nhà thơ Thanh Thảo để cảm nhận nhé!

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc và tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

- a. **Mục tiêu:** Nêu được ấn tượng chung về tác giả và tác phẩm.
- b. **Nội dung hoạt động:** Thuyết trình kiến thức chung về tác giả và tác phẩm.
- c. **Sản phẩm:** HS thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập và thuyết trình về tác giả, tác phẩm.
- d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS			Dự kiến sản phẩm	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS: + Đọc lướt văn bản, nghiên cứu kiến thức chung về tác giả, tác phẩm và hoàn thành phiếu học tập. Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả			I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Bảng phụ lục đi kèm (bên dưới) 2. Tác phẩm Bảng phụ lục đi kèm (bên dưới)	
Phương diện tìm hiểu		Nội dung cụ thể		
Tên tuổi				
Quê quán				
Cuộc đời				
Tác phẩm chính				
Phong cách thơ Thanh Thảo	Đề tài			
	Cách tiếp cận cuộc sống			
	Hướng cách tân			
	Tư duy thơ			
Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác phẩm				
Phương diện tìm hiểu		Nội dung cụ thể		
Xuất xứ				
Thể thơ				
Đặc điểm nổi bật				
Bố cục	Từ...			
	Từ...			
	Từ...			

	Từ...	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trình bày kết quả trao đổi. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. - GV hướng dẫn HS xem Clip giới thiệu tác giả, tác phẩm: https://www.youtube.com/watch?v=nPkscI4oiRM		

Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả

Phương diện tìm hiểu		Nội dung cụ thể
Tên tuổi		Thanh Thảo tên khai sinh là Hồ Thành Công, sinh năm 1946
Quê quán		Huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
Cuộc đời		- Tốt nghiệp Khoa Ngữ văn trường Đại học tổng hợp Hà Nội, ông vào công tác ở chiến trường miền Nam. Từ mấy thập niên trước, ông đã được công chúng chú ý qua những tập thơ và trường ca mang diện mạo độc đáo viết về chiến tranh và thời hậu chiến. - Năm 2001, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.
Tác phẩm chính		<i>Những người đi tới biển, Dấu chân qua trăng cỏ, Những ngọn sóng mặt trời, Khối vuông ru-bích, Từ một đến một trăm...</i> Ngoài ra, ông còn viết báo, tiểu luận, phê bình văn học và nhiều thể loại khác.
Phong cách thơ Thanh Thảo	Đề tài	Thơ Thanh Thảo là tiếng nói của người tri thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại.
	Cách tiếp cận cuộc sống	Ông luôn muốn cuộc sống được cảm nhận và thể hiện ở bề sâu nên luôn khước từ lối thể hiện dễ dãi.
	Hướng cách tân	Ông là một trong số những cây bút luôn nỗ lực cách tân thơ Việt với xu hướng đào sâu vào cái tôi nội cảm, tìm kiếm những cách biểu đạt mới qua hình thức câu thơ tự do, xóa bỏ mọi ràng buộc, khuôn sáo bằng nhịp điệu bất thường để mở đường cho một cơ chế liên tưởng phóng khoáng nhằm đem đến cho thơ một mỹ cảm hiện đại với hệ thống thi ảnh và ngôn ngữ hiện đại.
	Tư duy thơ	Giàu suy tư, mãnh liệt, phóng túng trong xúc cảm và nhuốm

	màu sắc tượng trưng siêu thực.
--	--------------------------------

Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác phẩm

Phương diện tìm hiểu		Nội dung cụ thể
Xuất xứ		Rút trong tập <i>Khởi vuông Ru-bích</i>
Thể thơ		Thơ tự do
Đặc điểm nổi bật		Thể hiện tư duy thơ Thanh Thảo: giàu suy tư, nhuốm màu sắc tượng trưng, siêu thực.
Bố cục	Từ câu 1 – 6	Lor-ca - con người tự do, nghệ sĩ cách tân trong khung cảnh chính trị, nghệ thuật Tây Ban Nha.
	Từ câu 7 - 18	Lor-ca với cái chết oan khuất và nỗi xót xa về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật.
	Từ câu 19 - 22	Niềm xót thương Lor-ca.
	Từ câu 23 - 31	Suy tư về cuộc giải thoát và cách giã từ của Lor-ca.

2.2: Đọc và khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực,...được thể hiện trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*.
- Qua đó, cảm nhận được vẻ đẹp bí tráng của hình tượng Gác-xi-a Lor-ca và sự đồng cảm, thương tiếc, ngưỡng vọng sâu sắc của Thanh Thảo với cuộc đời, số phận và thơ ca của Lor-ca.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động cá nhân và nhóm để tìm hiểu làm rõ các vấn đề: Dòng mạch cảm xúc - Hình tượng Lor-ca - Ngôn ngữ và nhạc tính - Biểu tượng và yếu tố tượng trưng, siêu thực qua cuộc thi *Đàn ghi ta của Lor-ca - Thế giới nào vậy gọi?*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
NV1. Đọc và cảm nhận ban đầu về văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lưu ý HS: + Cách đọc một bài thơ tự do, với cách ngắt, ngừng giọng khá linh hoạt, phóng túng. + Chú ý đến các thể đọc để nhấn mạnh những điểm tạo	II. Đọc và khám phá văn bản 1. Đọc và cảm nhận ban đầu về văn bản - Lời đề từ: “Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn”, thể hiện niềm đam mê nghệ thuật và lời nhắn gửi hãy biết quên nghệ thuật của Lor-ca để tìm hướng đi mới. - Nhạc tính của dòng thơ miêu tả tiếng đàn: Li-la li-la li-la là hiện tượng láy âm, gọi hợp âm của tiếng đàn. 2. Khám phá văn bản a. Dòng mạch cảm xúc Niềm yêu mến và ngưỡng mộ trước hình ảnh Lor-ca, người nghệ sĩ tự do và đơn độc.

nền nhạc tính của bài thơ, những chi tiết thể hiện hình ảnh cây đàn và hình tượng Lor-ca, những cung bậc tình cảm cần thể hiện theo mạch cảm xúc của bài thơ. - GV nêu vấn đề: Em có cảm nhận gì về lời đề từ, nhạc tính của dòng thơ miêu tả tiếng đàn, hình ảnh áo choàng, những hình ảnh biểu tượng và cái chết của Lor-ca? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân đọc theo chỉ dẫn của GV, suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1-2 HS đọc văn bản. - GV gọi 3-5 HS xung phong trình bày cảm nhận nhanh. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. NV2. Khám phá văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận, chọn cách thức chuẩn bị cuộc thi: <i>Đàn ghi ta của Lor-ca - Thế giới nào vậy gọi?</i> Nhóm 1 - Thế giới của cảm xúc	Đau đớn, xót xa trước cái chết oan khuất của Lor-ca và nỗi tiếc nuối về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật. ↓ Niềm xót thương không vơi bớt gửi qua hình ảnh tiếng đàn. ↓ Suy ngẫm về hình ảnh Lor-ca - cái chết và sự bất tử. b. Đối tượng của cảm xúc: Hình tượng Lor-ca – thực và siêu thực * Hình tượng Lor-ca - <i>Lor-ca, người nghệ sĩ tự do và đơn độc</i> + Hình ảnh “áo choàng đỏ”: Gợi bản sắc văn hoá Tây Ban Nha và hình ảnh Lor-ca như một đấu sĩ với khát vọng dân chủ trước nền chính trị Tây Ban Nha độc tài lúc bấy giờ. + <i>Âm thanh tiếng đàn</i>: Đàn ghi ta là nhạc cụ của người Tây Ban Nha, thể hiện tài năng nghệ thuật của Lor-ca với khát vọng cách tân nghệ thuật. Tiếng đàn bọt nước: đẹp, mong manh mà sinh sôi bất tận như “bọt nước”. Sắc thắm dịu dàng của hoa li la (tử đinh hương) đang nở ra bát ngát trên từng giai điệu >< bối cảnh chính trị Tây Ban Nha. + Hình ảnh người nghệ sĩ “đi lang thang”; “vàng trắng chênh choáng”; “yên ngựa mỗi mòn”; hát nghêu ngao; li la...: Phong cách nghệ sĩ dân gian tự do; sự cô đơn của Lor-ca trước thời cuộc chính trị, trước nghệ thuật Tây Ban Nha già cỗi. - <i>Lor-ca với cái chết oan khuất và nỗi xót xa về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật</i> + Hình ảnh: ++ <i>Áo choàng bê bết đỏ</i>: Gợi cảnh tượng khủng khiếp về cái chết của Lor-ca. + <i>Tiếng ghi ta nâu</i>: trầm tĩnh, nghĩ suy (màu ấm nóng); <i>tiếng ghi ta lá xanh</i>: thiết tha, hi vọng; <i>tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan</i>: bàng hoàng, tức tưởi; <i>tiếng ghi ta ròn ròn máu chảy</i>: sự đau đớn, ghen ngào. + Biện pháp tu từ: ++ <i>Đối lập</i>: <i>Hát nghêu ngao >< áo choàng bê bết đỏ</i>
---	--

NV: Xác định mạch cảm xúc trong bài thơ. Nhóm 2 - Thế giới của Lor-ca NV: - Hình tượng Lor-ca được thể hiện như thế nào trong hai đoạn thơ đầu? Những chi tiết nào trong hai đoạn thơ cho thấy mối quan hệ giữa người nghệ sĩ với đất nước Tây Ban Nha. - Chỉ ra và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ được tác giả sử dụng khi miêu tả tiếng đàn trong đoạn thơ 3,4. - Phân tích những hình ảnh đan xen giữa thực và ảo thể hiện cái chết và sự bất tử của Lor-ca trong hai đoạn thơ cuối. Nhóm 3 - Thế giới của ngôn ngữ và nhạc tính NV: Nhạc tính của bài thơ được tạo nên bởi những yếu tố nào? Nhận xét về âm hưởng, giọng điệu của thi phẩm này. Nhóm 4 – Thế giới của biểu tượng và yếu tố tượng trưng, siêu thực NV: - Nêu ý nghĩa của những hình ảnh mang tính biểu tượng trong bài thơ. - Xác định yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ và nhận xét về tác dụng của chúng.	là sự đối lập giữa khát vọng và hiện thực phũ phàng (giữa tiếng hát yêu đời vô tư, giữa tình yêu cái đẹp và hành động tàn ác, dã man). ++ Nhân hoá: <i>Tiếng ghi ta... máu chảy.</i> ++ Hoán dụ: <i>Áo choàng, tiếng ghi ta.</i> ++ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: tiếng đàn mang tâm tư, thành thân phận, linh hồn, sinh thể của người tạo ra nó. ++ Gieo vần “ây”: khiến thơ như nhạc, nhạc như người. Tất cả như đang rướn mình lên kiên cường, không khuất phục. => Khắc họa thật ấn tượng về cái chết đầy bi phần của người nghệ sĩ Lor-ca. => Tiếng lòng tri âm sâu sắc đối với người nghệ sĩ, thiên tài Lor-ca. 3. Ngôn ngữ và nhạc tính - Bài thơ có cấu trúc của một ca khúc bằng thơ: Chuỗi từ “<i>li-la li-la li-la...</i>” có tác dụng mô phỏng chuỗi âm thanh tiếng đàn ở phần dạo đầu và phần kết thúc tạo nên những dư âm sau khi lời hát đã ngừng. - Nhịp thơ phong phú, thay đổi linh hoạt, làm cho lời thơ khi bổng khi trầm, khi ngắt quãng khi liền mạch. - Nhiều dòng thơ liên kết nhau bằng sự hợp vần (đa số là vần thông), tạo nên sự liền mạch, ngân vang trong âm hưởng thơ (<i>hoàng - choàng</i>), (<i>ấy - mấy - chảy</i>), (<i>đàn - hoang - trắng</i>), (<i>ngang - gan</i>),... - Sử dụng biện pháp điệp âm, điệp ngữ và các từ láy tạo nên sự dàu dặt, ngân nga cho các câu, đoạn và cả bài thơ (<i>lang thang, chính choáng, nghêu ngao, bê bết, rờn rờn, long lanh, đơn độc, mõi mòn, sang ngang, tiếng ghi ta, tiếng đàn, ném,...</i>). => Bài thơ mang âm hưởng của một khúc ca bi tráng về hình tượng người anh hùng, với giọng điệu vừa lắng đọng, xót thương, căm phẫn vừa bay bổng, hào sảng và kết lại với nhiều dư ba,... 4. Biểu tượng và yếu tố tượng trưng, siêu thực * Biểu tượng trong bài thơ: - Một số hình ảnh mang tính biểu tượng: áo choàng, đàn ghi ta, bầu trời cô gái ấy, giọt nước mắt vàng trắng/ long lanh trong đáy giếng,...
---	--

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi thảo luận nhóm theo nhiệm vụ đã giao. - Mỗi nhóm đã chia ở trên chọn hình thức thể hiện phù hợp (Trò chơi, thuyết trình đơn hoặc đôi, giao lưu cùng khán giả,...) để thể hiện sản phẩm nhóm đồng thời thuyết phục khán giả tin theo thể giới của nhóm mình. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV lựa chọn HS làm MC dẫn chương trình (dựa trên hệ thống câu hỏi nhóm ở trên) thực hiện dẫn chương trình cuộc thi: <i>Đàn ghi-ta của Lor-ca - Thế giới nào vậy gọi?</i> - Theo dẫn dắt của MC, tập thể các nhóm hoặc đại diện HS các nhóm chọn hình thức thể hiện phù hợp để thuyết phục khán giả - Khán giả theo dõi, đánh giá bằng Bảng kiểm và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học thông qua cuộc thi. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV chốt vấn đề. - GV căn cứ vào Bảng kiểm của khán giả, nhận xét, đánh giá, tuyên dương, cho điểm hoặc trao thưởng cho những đại diện/nhóm	- Ý nghĩa của những hình ảnh mang tính biểu tượng trong bài thơ: + <i>Áo choàng bê bết đỏ</i>: Gợi cảnh tượng khủng khiếp về cái chết của Lor-ca. + <i>Tiếng ghi ta nâu</i>: trầm tĩnh, nghĩ suy (màu ấm nóng); <i>tiếng ghi ta lá xanh</i>: thiết tha, hi vọng; <i>tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan</i>: bàng hoàng, tức tưởi; <i>tiếng ghi ta ròng rọc máu chảy</i>: sự đau đớn, ghen ngào. + <i>giọt nước mắt vàng trắng/ long lanh trong đáy giếng</i>: giọt nước mắt sáng trong được ví với vàng trắng, vàng trắng nơi “đáy giếng” như giọt nước mắt muôn đời. Đem cái đẹp bao la, trường cửu đặt vào mặt nước nhỏ và sâu như một biểu tượng của niềm tin mãnh liệt nhưng âm thầm về sự bất tử của tiếng đàn Lor-ca... 1. * Yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ: - Biểu hiện: Hình ảnh thơ được tạo bằng cách kết hợp những yếu tố hiện thực với các yếu tố hoang đường, kì ảo, gọi nhiều liên tưởng. + Yếu tố tượng trưng: những hình ảnh biểu tượng như áo choàng, vàng trắng, dòng sông, tiếng đàn,... + Yếu tố siêu thực: mối quan hệ giữa thực và mộng, giữa vô thức và ý thức, để giấc mơ và hiện thực sẽ chuyển hoá thành một hiện thực khác ẩn đằng sau những hiện thực thông thường có thể tri giác được (“đường chỉ tay đã đứt, dòng sông rộng vô cùng/ Lor-ca bơi sang ngang/ trên chiếc ghi ta màu bạc”; “chàng ném lá bùa cô gái Di-gan/vào xoáy nước”;...). - Tác dụng: Tạo hình ảnh thơ cô đúc, có tính tượng trưng (thiên về gợi hơn là tả), logic liên kết giữa các hình ảnh thơ bị xoá mờ, kích thích sự liên tưởng, tạo ra hiệu quả “lạ hoá” và “độ mở” cho những suy tưởng tiếp nối của người đọc.
---	---

có phần trình bày ấn tượng.	
-----------------------------	--

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN
CỦA CÁC NHÓM**

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện nội dung sơ sài, nghèo nàn.		
2	Thể hiện được đúng đủ nội dung.		
3	Thể hiện được sâu sắc nội dung.		
4	Thuyết trình đơn điệu, kém hấp dẫn.		
5	Thuyết trình sinh động, hấp dẫn, thuyết phục.		
6	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn.		

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu vấn đề: - Nội dung trọng tâm của văn bản là gì? Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS trình bày 01 phút kết quả.	III. Tổng kết 1. Nội dung - Bài thơ đã xây dựng được hình tượng Lor-ca với những khía cạnh khác nhau: một nghệ sĩ tự do và cô đơn, một cái chết oan khốc, bi phần bởi những thế lực tàn ác, một tâm hồn nghệ sĩ bất diệt. - Lor-ca là một hình tượng bi tráng về người nghệ sĩ chân chính trong một môi trường bạo lực thống trị đã sống và chết rất cao đẹp. Qua việc thể hiện cái chết đau xót của Lor-ca, bài thơ còn là tiếng nói tri âm của Thanh Thảo với nghệ thuật chân chính và nghệ sĩ Lor-ca. 2. Nghệ thuật - Hình thức nghệ thuật độc đáo: kết hợp hai yếu tố thơ và nhạc về kết cấu; mang phong cách tượng trưng pha màu sắc siêu thực rất gần gũi với phong cách thơ Lor-ca; hình ảnh thơ phong phú, ngôn từ

- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	mới mẻ hàm súc, giàu sức gợi. - Sử dụng thành công những thủ pháp tiêu biểu của thơ siêu thực, đặc biệt là chuỗi hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng.
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS xác định được chủ đề của bài thơ và nhận diện yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ trữ tình hiện đại.

b. Nội dung: HS đọc lại văn bản, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của nhóm HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ:

Câu 1. Nêu chủ đề của bài thơ. Bài thơ gợi suy nghĩ gì về sức mạnh của nghệ thuật trong đời sống?

Câu 2. Cách xác định yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ trữ tình hiện đại.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ nhóm theo bàn (khoảng 3 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chọn đại diện 2-3 nhóm HS trình bày kết quả.

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Giáo viên nhận xét, hướng dẫn trả lời:

Câu 1.

- **Chủ đề của bài thơ:** Khắc họa cuộc đời nghệ sĩ Lor-ca với lí tưởng cách tân nghệ thuật và cái chết oan khuất, thể hiện niềm ngưỡng mộ, xót thương của tác giả đối với Lor-ca.

- **Bài thơ gợi suy nghĩ gì về sức mạnh của nghệ thuật trong đời sống:**

+ Suy nghĩ về sức mạnh của nghệ thuật qua tầm ảnh hưởng của tiếng đàn và người nghệ sĩ Lor-ca đối với đất nước Tây Ban Nha.

+ Cảm nhận về sứ mạng cao cả của nghệ thuật và những biểu tượng đẹp về hình ảnh người nghệ sĩ trong cuộc sống.

+ Nêu những thông điệp về vai trò của nghệ thuật đối với việc tạo động lực và khát vọng sống của bản thân.

Câu 2. Cách xác định yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ trữ tình hiện đại:

- Rà kĩ văn bản, hiểu được nội dung của bài thơ.

- Tìm những hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, cảm giác khó hiểu tạo một thế giới thơ có sự pha trộn giữa chiêm bao và tỉnh thức, giữa ảo giác và thực tế sẽ chuyển hoá thành một hiện thực khác ẩn đằng sau những hiện thực thông thường có thể tri giác được.

- Nêu tác dụng của những hình ảnh ấy.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học về văn bản để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS nộp sản phẩm lên nhóm zalo của lớp hoặc gửi sản phẩm lên CLB truyền thông của nhà trường/ Facebook cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV tổ chức cho HS xem, bình chọn sản phẩm dựa theo Rubric.

- GV chọn ra 5 HS có sản phẩm chia sẻ hoặc like nhiều nhất sẽ đạt điểm cao nhất hoặc nhận được phần thưởng tuần học tốt.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.	1,5
Nội dung	Cảm nhận về một nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ <i>Đàn ghi ta của Lor-ca</i> .	
	Nêu được nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ và lí giải vì sao.	2,0
	Bày tỏ cảm xúc và suy nghĩ về nét đặc sắc đó.	5,0
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt, ...	1,0

Tham khảo đoạn văn

Thú vị và bất ngờ nhất là việc khảm vào mạch ấy những âm thanh như cách diễn tấu của nhạc công khi đệm cho người hát một ca khúc. Sự có mặt của hai chuỗi li-la li-la li-la ở phần đầu và phần kết là thế. Thú thực, khi mới đọc bài thơ này trong tập *Khô vuông Rubic*, tôi thấy cái chuỗi kia là một nét lạ, nhưng nhắc nghĩ: lại một trò “tân hình thức” đây. Cha Thanh Thảo này cũng bày đặt góm. Nhưng đọc kĩ hơn thì thấy hình như có một nghĩa lý nào đó hay hay, chứ không hẳn chỉ là những con âm

rỗng nghĩa. Nhưng thực hư ra sao, thì cứ tù mà tù mù. Mãi sau, đọc kĩ hơn vào cấu trúc mới vỡ lẽ: té ra đây lại là sự giao duyên kì thú của thơ và nhạc. Cụ thể là giao thoa giữa thanh âm và thi ảnh. Mở đầu là hai câu: *Những tiếng đàn bọt nước/Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt*. Thanh Thảo chọn hai hình ảnh này khởi đầu một thi phẩm giống như kiểu tạo những âm chủ cho một nhạc phẩm. Chúng là những tương phản kín đáo mà gay gắt: âm thanh hồn nhiên - sắc màu chói gắt, tiếng đàn thảo dân - áo choàng đấu sĩ, vẻ khiêm nhường - sự ngạo nghễ, niềm hân hoan - nỗi kinh hoàng, nghệ thuật - bạo lực, thân phận bọt bèo - thực tại tàn khốc... Cặp hình ảnh cứ ngỡ tương phùng nào ngờ lại tương tranh. Nội dung chủ đạo mà thi phẩm triển khai sẽ là phận người trong một hiện thực đầy tranh chấp đối chọi như thế. Rồi ngay sau hai câu mở đầu đó là chuỗi âm thanh li-la li-la li-la. Nó như một chuỗi nốt đàn buông do người đệm đàn (ghi ta) lướt qua hàng dây để kết thúc phần dạo, đánh dấu khoảng ngắt cho người hát chính thức bắt lời trình diễn ca khúc. Và thi phẩm cũng kết thúc bằng sự trở lại của chuỗi âm thanh ấy. Nó tựa những tiếng đàn đệm cuối cùng nhằm tạo những dư âm sau khi lời hát đã ngừng. Đây chẳng phải là một lối phối âm quen thuộc trong diễn tấu ca khúc sao? Mà cũng có thể hình dung nó như tiếng huýt sáo ngẫu hứng của người ca sĩ trên nền nhạc khi diễn tấu. Ngẫu hứng mà đầy xao xuyến. Khi âm thanh gây niềm xao xuyến thì tự nó cũng chất chứa thi vị chứ sao!...

(Trích Bài thơ “Đàn ghi ta của Lorca” của Thanh Thảo, Chu Văn Sơn, In trong tập *Thơ điệu hồn và cấu trúc*)

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc: *Bài thơ số 28* (Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-gơ).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Bích, KHBĐ môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 18 TÁC DỤNG CỦA MỘT SỐ BIỆN PHÁP TU TỪ TRONG THƠ

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Nhận biết được các BPTT thường gặp trong văn bản thơ: nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ, đối...

2. Về năng lực:

- Phân tích được tác dụng của một số BPTT thường gặp trong văn bản thơ.
- Biết sử dụng một cách hiệu quả kiến thức về các BPTT trên trong các hoạt động đọc và viết.

3. Về phẩm chất: Biết trân trọng, yêu mến vẻ đẹp của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG.

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học, thấy được ví trí, vai trò của câu hỏi về tác dụng của một biện pháp tu từ trong thơ, trong văn bản đọc hiểu là rất quen thuộc: là câu thông hiểu 1,0 điểm/4,0 điểm.

b. Nội dung: Trò chơi Ai nhanh hơn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Trò chơi: Ai nhanh hơn. Phát hiện các biện pháp tu từ trong những ngữ liệu sau: Ngữ liệu a: <i>Đời sống trôi như đời người trên sông</i> <i>Anh tin bến, tin bờ, tin sức mình đến bến</i> <i>Tin ánh sáng trên cột buồm, ngọn lửa</i> <i>Tin mái chèo cày trên sóng cần lao</i> => Biện pháp so sánh, điệp. Ngữ liệu b:  => Biện pháp đối Ngữ liệu c:	GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS Học sinh có thể chỉ ra các biện pháp tu từ so sánh, phép đối, nhân hóa...

“Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta”
=> Biện pháp nhân hóa.

Ngữ liệu d: Nghe 1 đoạn bài hát:

“Ồi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay hứng về”
=> Biện pháp ẩn dụ.

Ngữ liệu e:

“Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông
Cau thôn Đoài nhớ trâu không thôn nào.”
=> Biện pháp hoán dụ, ẩn dụ.

Ngữ liệu: Nghe 1 đoạn bài hát



=> Biện pháp nhân hóa.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ và tham dự

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trả lời nhanh

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện

Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Trong giao tiếp hàng ngày, trong sáng tác văn học, trong quá trình đọc hiểu văn bản... việc sử dụng các biện pháp tu từ khá phổ biến, đem lại những hiệu quả, tác dụng nghệ thuật nhất định. Nhận diện, phân tích được tác dụng, hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ giúp người đọc không những hiểu đúng, hiểu đủ mà còn khắc sâu ấn tượng về những điều được nói tới từ đó làm phong phú thêm ngôn ngữ giao tiếp của mình. Tiết học này chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về tác dụng của một số biện pháp tu từ thường gặp trong thơ, rèn thêm về kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu:

Học sinh nhận biết được được đặc điểm và tác dụng của một số BPTT thường gặp trong văn bản thơ: nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ, đối...

+ Học sinh chỉ ra đặc điểm của một số BPTT thường gặp trong văn bản thơ: nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ, đối...

+ Học sinh vận dụng kiến thức để phân tích được tác dụng của một số BPTT thường gặp trong văn bản thơ.

b. Nội dung: Tri thức về một số BPTT thường gặp trong thơ: ẩn dụ, nhân hóa, điệp ngữ, đối.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV VÀ HS		Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát vấn, HS trả lời các câu hỏi sau		I. NHẬN BIẾT
		1. Biện pháp ẩn dụ:
		- Ẩn dụ là gọi tên sự vật, sự việc bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nhau có tác dụng nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm.
		- Có 04 loại ẩn dụ:
		+ Ẩn dụ hình thức được hiểu là việc người nói người viết giấu đi một phần ý nghĩa;
		+ Ẩn dụ cách thức là hình thức một vấn đề thông qua nhiều cách khác nhau;
		+ Ẩn dụ phẩm chất là việc dùng phẩm chất của sự vật, sự việc này bằng phẩm chất của sự vật, hiện tượng khác mà cả hai phải có nét tương đồng;
		+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác là hình thức miêu tả tính chất, đặc điểm của sự vật được cảm nhận bằng giác quan này nhưng lại được miêu tả bằng từ ngữ sử dụng cho giác quan khác.
		2. Biện pháp nhân hóa:
		- Biện pháp nhân hóa được hiểu là cách để gọi hoặc miêu tả đồ vật, cây cối, con vật ... bằng những từ ngữ sử dụng cho con người như hành động, suy nghĩ, tính cách cho nó trở nên sinh động, gần gũi, hấp dẫn và có hồn hơn. Nhân hóa là người, hóa là biến hóa. Nhân hóa có nghĩa là biến sự vật thành con người.
		- Có 03 hình thức nhân hóa phổ biến:
		+ Gọi sự vật bằng những từ ngữ để gọi con người, ví dụ như chị, chú, ông...;
		+ Miêu tả sự vật bằng những từ ngữ miêu tả con người, ví dụ như tay, chân...;
		+ Xưng hô với sự thân mật như con người được hiểu như xưng hô con mèo như cách xưng hô với con người;
		3. Biện pháp điệp ngữ:
		- Điệp ngữ là một biện pháp tu từ, được nhận biết bằng việc sử dụng việc lặp đi , lặp lại một từ, một cụm từ hoặc toàn bộ câu với một dụng ý cụ thể nhằm nhấn
Biện pháp tu từ	Hiệu quả nghệ thuật (Tác dụng nghệ thuật)	
1, ...	Cách diễn đạt mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc.	
2, ...	Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn hơn.	
3, ...	Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm	
4, ...	Tạo sự cân đối	
1. Điền từ thích hợp vào ô trống để xác định tác dụng nghệ thuật của các biện pháp tu từ - 1. ẩn dụ, 2. nhân hóa, 3. điệp ngữ, 4. đối...		
2. Biện pháp tu từ là gì? Biện pháp tu từ là một biện pháp nghệ thuật phổ biến trong văn học, giúp tác giả truyền đạt suy nghĩ và cảm xúc một cách sinh động. Nhờ các biện pháp tu từ, tác giả có thể dễ dàng chuyển tải cảm xúc và ý tưởng về sự vật và sự việc đến độc giả. Các biện pháp này không chỉ xuất hiện trong văn học mà còn phổ biến trong cuộc sống hàng ngày. Biện pháp tu từ là cách sử dụng ngôn ngữ đặc biệt trong từ, câu hoặc văn bản, trong ngữ cảnh nhất định, nhằm tăng sức gợi hình và gợi cảm, đồng thời gây ấn tượng mạnh với người nghe và người đọc.		
3. Phân loại biện pháp tu từ: - Biện pháp tu từ từ vựng: Biện pháp so sánh; biện pháp ẩn dụ; Biện pháp hoán dụ;		

Biện pháp nhân hóa; Biện pháp điệp ngữ; Biện pháp nói giảm - nói tránh; Biện pháp nói quá; Biện pháp liệt kê; Biện pháp chơi chữ. - Biện pháp tu từ cú pháp: Đảo ngữ; Điệp cấu trúc; Chêm xen; Câu hỏi tu từ; Phép đối. 4. Tìm hiểu thêm về biện pháp tu từ ẩn dụ, nhân hóa, điệp, đối Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và trả lời Thời gian: 15 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện Giáo viên chốt kiến thức	mạnh, khẳng định hoặc liệt kê các sự vật, hiện tượng mà tác giả muốn nói đến. - Có 03 loại hình thức điệp ngữ: + Điệp ngữ ngắt quãng là việc lặp lại một từ hoặc cụm từ mà có sự cách quãng với nhau mà không có sự liên tiếp; + Điệp ngữ nối tiếp là việc lặp lại một từ hay một cụm từ nối tiếp nhau; + Điệp ngữ chuyển vòng 4. Phép đối: - Phép đối là cách sắp xếp đặt từ ngữ, cụm từ và câu ở vị trí cân xứng nhau để tạo hiệu quả giống nhau hoặc trái ngược nhau. Việc sử dụng phép đối, tác giả muốn tạo hiệu quả về sự giống nhau hoặc trái ngược nhau nhằm gợi ra một vẻ đẹp hoàn chỉnh, hài hòa trong diễn đạt để hướng đến làm nổi bật một nội dung ý nghĩa nào đó. - Dấu hiệu nhận biết phép đối: Số lượng âm tiết của hai vế đối phải bằng nhau; Các từ ngữ đối nhau phải cùng từ loại với nhau (danh từ đối với danh từ, động từ đối với động từ, tính từ đối với tính từ; Các từ đối nhau hoặc là đồng nghĩa với nhau, hoặc là trái nghĩa với nhau, hoặc là cùng trường nghĩa với nhau để gây hiệu quả bổ sung, hoàn chỉnh về nghĩa.
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Học sinh vận dụng kiến thức để phân tích được tác dụng của một số BPTT thường gặp trong văn bản thơ
- b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài tập luyện tập
- c. Sản phẩm:** Kết quả làm việc của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ: GV có thể tổ chức cho HS hoạt động nhóm, gọi đại diện nhóm trình bày kết quả, nêu nhận xét và chốt lại phương án trả lời cho từng bài tập thực hành: 1. Xác định và phân tích tác dụng của	II. THỰC HÀNH GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS. Đáp án tham khảo Bài 1. a. Các hình ảnh nhân hoá (<i>thác gầm thét, cọp trêu người</i>) không chỉ tái hiện khung cảnh rừng già hoang vu, bí ẩn, dữ dội mà còn gợi cảm giác "rờn rợn" của những người

biện pháp tu từ nhân hóa trong các câu thơ sau:

a. *Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người*
(Quang Dũng, *Tây Tiến*)

b. *Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha*
(Nguyễn Đình Thi, *Đất nước*)

2. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong các câu thơ sau:

*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá giữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*
(Quang Dũng, *Tây Tiến*)

3. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ trong các câu thơ sau

a. *Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống*

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
(Quang Dũng, *Tây Tiến*)

b. *tiếng ghi ta nâu
bầu trời cô gái ấy
tiếng ghi ta lá xanh biết mấy
tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan
tiếng ghi ta ròng ròng
máu chảy*

(Thanh Thảo, *Đàn ghi ta của Lor-ca*)

4. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối trong các câu thơ sau:

a. *Gặp thời đồ diều công thành dễ
Lỡ vận anh hùng hận xót xa.*

*Phò chúa đốc lòng nâng trục đất,
Tẩy binh khôn lối kéo Ngân Hà.*

(Đặng Dung, *Cảm hoài*, Nguyễn Khắc Phi dịch)

b. *Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi*
(Quang Dũng, *Tây Tiến*)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ và thực hiện bài tập

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

lính Tây Tiến trước cảnh sơn lâm "bóng cả, cây già". Nơi đây, thiên nhiên hoang dã ngự trị, thú dữ rình rập, trêu đùa con người.

b. Nhờ biện pháp tu từ nhân hoá (*Trời thu thay áo mới*), hình ảnh bầu trời thu hiện lên như một con người trong màu áo mới tinh khôi với vẻ tươi tắn, rạng rỡ, sống động, ấm áp (*nói cười thiết tha*); gợi khung cảnh tươi sáng và không khí tràn ngập niềm vui, hạnh phúc của mùa thu độc lập.

Bài 2.

Hình ảnh ẩn dụ "dữ oai hùm" được nhà thơ sử dụng để khắc hoạ cốt cách ngang tàng, kiêu dũng của người lính Tây Tiến. Bất chấp hình hài tiều tụy, xanh xao vì căn bệnh sốt rét rừng, phong thái của họ vẫn hùng dũng, oai nghiêm như chúa sơn lâm.

Hình ảnh "dáng kiều thơm" ẩn dụ cho vẻ đẹp duyên dáng, yêu kiều, sang trọng của những thiếu nữ Hà thành. Qua đó, nhà thơ không chỉ thể hiện nỗi nhớ quê nhà, khát vọng tình yêu mà còn làm nổi bật được tâm hồn mơ mộng, lãng mạn của người lính Tây Tiến.

Bài 3.

a. Các điệp ngữ trong đoạn thơ (*dốc, ngàn thước*) có tác dụng nhấn mạnh sự hùng vĩ, hiểm trở của núi non vùng Tây Bắc với những con dốc tiếp nối nhau như không bao giờ hết; những đỉnh núi cao ngất trời và vực sâu thăm thẳm.

b. Điệp ngữ *tiếng ghi ta* có tác dụng liệt kê, nhấn mạnh những ấn tượng về tiếng đàn, về nghệ thuật và tâm hồn người nghệ sĩ Lorca; đồng thời tạo nhịp điệu, giai điệu cho các câu thơ, đoạn thơ.

Bài 4.

a. Biện pháp tu từ đối ở bốn câu thơ (*gặp thời - lỡ vận, đồ diều - anh hùng, công thành dễ - hận xót xa; phò chúa - tẩy binh, đốc lòng - khôn lối, nâng trục đất-kéo Ngân Hà*) có tác dụng nhấn mạnh những "trải nghiệm" đau đớn và bày tỏ nỗi niềm bi phẫn của nhân vật trữ tình.

Biện pháp tu từ đối ở hai liên thơ giữa có tác dụng nhấn mạnh sự tương phản giữa hoài bão lớn lao, khát vọng phi thường của nhân vật trữ tình và thực tại phũ phàng,

Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	nghiệt ngã; đồng thời thể hiện cảm giác bất lực, tâm trạng đau xót, cay đắng của người anh hùng lỡ thời, thất thế. b. Biện pháp tu từ đối được sử dụng một cách linh hoạt (đối từ ngữ là địa danh (Sài Khao - Mường Lát), miêu tả trạng thái của cảnh vật (<i>swong lạp, hoa về</i>) có tác dụng nhấn mạnh vẻ đẹp của thiên nhiên miền sơn cước: vừa hiểm trở, hoang vu, giá lạnh vừa thơ mộng, tình tứ.
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh tự tìm hiểu về một số BPTT thường gặp trong văn bản thơ: nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ, đối... Phân tích được tác dụng của một số BPTT thường gặp trong văn bản thơ. Biết trân trọng, yêu mến vẻ đẹp của tiếng Việt.

b. Nội dung: HS hoàn thành bài làm và tự sửa lại bài viết theo đáp án

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh tìm hiểu thêm một số ví dụ về các biện pháp tu từ trong thơ và phân tích tác dụng theo yêu cầu.	GV hướng dẫn theo bài chia sẻ của HS và chốt cách làm phân tích tác dụng của biện pháp tu từ: - Chỉ rõ từ, tổ hợp từ biểu hiện biện pháp tu từ đó. - Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trên hai phương diện: tác dụng về nội dung: biểu đạt (giúp nói lên điều gì?), biểu cảm (giúp thể hiện tình cảm, cảm xúc gì?); tác dụng về hình thức nghệ thuật (nhấn mạnh,/ làm cho câu văn, câu thơ thêm sinh động, hấp dẫn, giàu hình ảnh,/ tạo nhịp điệu, âm hưởng...)
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện nhiệm vụ	
Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình	
Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	

Phụ lục 1. Bài luyện tập Đọc hiểu mở rộng về tác dụng của BPTT

Đề 1: Đọc đoạn thơ:

Tuổi thơ con có những gì
 Có con cười với mắt tre trong hằm
 Có làn gió sớm vào thăm
 Có ông trăng rằm sơ tán cùng con
 Sông dài, biển rộng, ao tròn
 Khói bom đạn giặc, sao hôm cuối trời
 Ba tháng lầy, bảy tháng ngồi
 Con chơi với đất, con chơi với hằm
 Mong ngày, mong tháng, mong năm
 Một năm con vịn vách hằm con đi

(Trích *Tuổi thơ của con*, Xuân Quỳnh, Thơ và đời, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1998, Tr 95)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Chỉ ra những kỉ niệm tuổi thơ của con được thể hiện trong đoạn thơ.

Câu 3. Xác định hai biện pháp tu từ tác giả sử dụng trong đoạn thơ.

Câu 4. Tình cảm tác giả gửi gắm trong bốn câu thơ gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

*Ba tháng lầy, bảy tháng ngồi
Con chơi với đất, con chơi với hầm
Mong ngày, mong tháng, mong năm
Một năm con vịn vách hầm con đi*

ĐA: Câu 3. Hai biện pháp tu từ:

- Phép điệp (Bốn dòng thơ đầu, dòng tám, dòng chín)

- Phép nhân hóa (Có làn gió sớm vào thăm/ Có ông trăng rằm sơ tán cùng con)

Đề 2: Đọc đoạn trích:

*“Xin cảm ơn những khu rừng thiêng
Tán lá rợp cho ta trầm tĩnh lại
Chông tằm thuốc sau nhà, đá mài dao dưới suối
Con đường mòn nung đỏ dưới ngàn cây
Một cọng rau gọi nhớ về xuôi
Củ chuối chát ghi mối thù canh cánh
Đêm bên suối sao trời rơi óng ánh
Nhắc ta hoài viễn đang vỡ dưới kia
Con đường tấy lên như một lời thề
Đất gọi ta, làng gọi ta, nóng bỏng
Vịn vào cây ven đường nhẩn bóng
Ngõ như đồng đội đỡ ta lên...”*

(Trích *Sức bền của đất*- Hữu Thỉnh, NXB Tác phẩm mới, 1977)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể thơ của đoạn trích.

Câu 2. Trong đoạn trích trên, tác giả *cảm ơn những khu rừng* vì điều gì?

Câu 3. Nêu và phân tích tác dụng của 01 biện pháp tu từ được sử dụng trong các câu thơ sau:

*Con đường tấy lên như một lời thề
Đất gọi ta, làng gọi ta, nóng bỏng*

Câu 4. Anh/chị hãy nhận xét về tình cảm, thái độ của tác giả được thể hiện trong đoạn trích.

ĐA: Câu 3.

- Biện pháp tu từ: so sánh/ lặp cấu trúc/ nhân hóa

- Tác dụng: Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho lời thơ; nhấn mạnh lời thề thiêng liêng với Tổ quốc của những người lính trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại.

Phụ lục 2. Bảng kiểm đánh giá thảo luận nhóm

Vấn đề	Mức độ	Tiêu chí đánh giá	Nhóm số...	Tổng điểm
Quá trình thảo luận	Tích cực, hiệu quả	Nhóm đã tích cực hoàn thành công việc được giao, có những đóng góp có giá trị.		
	Tích cực, chưa hiệu quả	Nhóm hoàn thành công việc được giao, có đóng góp ý kiến nhưng vẫn chưa đúng hoặc ít có giá trị		
	Chưa hiệu quả	Nhóm có thành viên không tham gia hoặc rất ít có đóng góp vào hoạt động thảo luận		

		của nhóm		
Mức độ tập trung chú ý	Cao	Ghi chép đầy đủ, tập trung, tích cực lắng nghe và phản hồi các ý kiến của các nhóm khác		
	Bình thường	Ghi chép đầy đủ, chú ý nhận nhiệm vụ		
	Thấp	Không ghi chép, thiếu tập trung, lơ đãng, làm việc riêng		
Trình bày kết quả thảo luận	Tốt	Trình bày đầy đủ các nội dung được giao một cách chính xác, hợp lí Trình bày rõ ràng, mạch lạc Có sáng tạo		
	Khá tốt	Trình bày đầy đủ các nội dung được giao nhưng còn một số sai sót nhỏ Trình bày rõ ràng, mạch lạc		
	Chưa tốt	Trình bày chưa đầy đủ các nội dung được giao, còn nhiều sai sót Cách trình bày thiếu tự tin, chưa cụ thể, rõ ràng		

4. củng cố: Tác dụng của một số BPTT thường gặp trong thơ.

5. HDVN:

Chuẩn bị tiết: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

Tiết 19, 20

PHẦN 3. VIẾT
VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN
SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ
Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

- Về kiến thức:** HS nhận biết được đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- Về năng lực:** HS biết viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, đáp ứng yêu cầu đối với kiểu bài được nêu trong SGK.
- Về phẩm chất:** Có ý thức rèn luyện các kĩ năng và thao tác cần thiết (xác định cơ sở

và phương diện so sánh, đánh giá; lựa chọn cách trình bày nội dung) và thể hiện ý kiến, quan điểm của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** SGK, SGV Ngữ văn 12, tập một, bảng, máy tính, máy chiếu.

2. **Học liệu:** giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Tổ chức**

2. **Kiểm tra bài cũ:** Em hãy nêu một số tác dụng của biện pháp tu từ trong thơ.

3. **Bài mới:**

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Hiểu được mục đích của kiểu bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

b. **Nội dung:** Mục đích của kiểu bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS trả lời: Theo em, mục đích của kiểu bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ là gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi. B3: Báo cáo kết quả: GV mời học sinh trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. B4: Nhận xét, đánh giá GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. - Giáo viên dẫn dắt vào bài học: - GV chốt kiến thức và dẫn dắt sang hoạt động mới	Mục tiêu của kiểu bài so sánh hai tác phẩm thơ là: - Chỉ ra những điểm khác biệt giữa các đối tượng - Từ đó nêu được những các yếu tố cách tân và mẻ của từng tác giả, tác phẩm

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hướng dẫn quy trình viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

Nội dung 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. **Mục tiêu:** Nắm được các yêu cầu của kiểu bài.

b. **Nội dung:** Yêu cầu của kiểu bài.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc nội dung trong SGK và trả lời câu hỏi: <i>Bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ cần đảm bảo những yêu cầu gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học B3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm - HS trình bày sản phẩm thảo luận.	1. Yêu cầu của kiểu bài: - Giới thiệu ngắn gọn về hai tác phẩm được những cơ sở lựa chọn hai tác phẩm so sánh, đánh giá. - Làm sáng tỏ những điểm tương đồng khác biệt giữa hai bài thơ được chọn để bằng chứng cụ thể, đa dạng từ hai tác phẩm - Đưa ra những nhận xét, đánh giá về ý nghĩa và những đóng góp riêng của mỗi tác phẩm thơ dựa trên các nội dung

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. B4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	sánh. - Nêu khái quát kết quả và ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá.
---	---

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Nhận biết được các bước mà người viết đã triển khai trong bài văn và hiệu quả của nó.

b. Nội dung: Bài viết tham khảo: Cảm hứng mùa thu trong “Thu vịnh” và “Đây mùa thu tới”.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc cặp đôi của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1 HS đọc to bài viết tham khảo. - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi phân tích bài viết tham khảo trong SGK trang 56. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS đọc bài viết tham khảo. - HS thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi. GV hỗ trợ khi cần thiết. - Chia sẻ: 3 phút B3: Báo cáo kết quả GV mời đại diện các cặp đôi trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. B4: Nhận xét, đánh giá GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	2. Đọc – Phân tích ngữ liệu tham khảo Câu 1. Trong bài viết, tác giả so sánh hai bài thơ dự cảm hứng mùa thu; những cảm nhận và nỗi niềm, vngữ vừa có điểm đặc sắc, hấp dẫn riêng. Câu 2. Bài viết triển khai các nội dung so sánh, đánh giá <i>* Cách triển khai:</i> – Phân tích điểm tương đồng của hai bài thơ. – Giới thiệu nét riêng và chỉ ra yếu tố tạo sự khác biệt thơ. – Phân tích nét riêng trong cảnh và tình ở Thu vịnh. – Phân tích nét riêng của bài Đây mùa thu tới trong với bài Thu vịnh. – Khẳng định vị trí, giá trị và sức hấp dẫn của hai bài thơ – Bày tỏ quan điểm cá nhân về kết quả và ý nghĩa so sánh. <i>* Nhận xét:</i> Cách triển khai hợp lí, logic, lớp lang, hấp dẫn, nổi bật vấn đề nghị luận, nổi bật vấn đề so sánh. Câu 3. Cách trình bày khác về các nội dung so sánh, đánh giá bài viết: – Phân tích bài thơ thứ nhất. – Phân tích bài thơ thứ hai. – Chỉ ra điểm tương đồng, sự gặp gỡ và những điểm giải nguyên nhân về sự khác biệt. – Đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. Hoặc: – Phân tích bài thơ thứ nhất theo các phương diện đề – Phân tích bài thơ thứ hai trên cơ sở so sánh với bài thơ theo từng phương diện và lí giải nguyên nhân của khác biệt giữa hai bài thơ. – Đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ.

Nội dung 3: Tìm hiểu quy trình viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

a. Mục tiêu: HS nắm được quy trình viết của kiểu bài.

b. Nội dung: Quy trình viết kiểu bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Giao nhiệm vụ học tập Để viết được một bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, cần tiến hành qua mấy bước? Xác định nhiệm vụ chính của từng bước đó. B2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận theo nhóm. Nhóm 1 tìm hiểu bước Chuẩn bị viết. Nhóm 2,3 tìm hiểu bước Tìm ý, lập dàn ý. Nhóm 4 tìm hiểu bước Viết và bước Chỉnh sửa, hoàn thiện. B3. Báo cáo, thảo luận Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Các nhóm trao đổi, phản hồi. B4. Đánh giá kết quả thực hiện. Gv nhận xét, chốt kiến thức.	3. Thực hành viết Bước 1. Chuẩn bị viết - Xác định được những cơ sở để triển khai các nội dung tài, phong cách sáng tác, bút pháp nghệ thuật...) - Lựa chọn các bài thơ tiêu biểu với những điểm tu khác biệt có ý nghĩa. - Xác định được các phương diện cần so sánh (đối được miêu tả, thể hiện; cảm hứng; cái nhìn nghệ thuật Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý - Tìm ý: Trả lời các câu hỏi sau: + So sánh, đánh giá hai bài thơ dựa trên cơ sở nào? + Điểm tương đồng giữa hai tác phẩm thơ là gì? + Đây là điểm khác biệt giữa hai bài thơ? + Yếu tố nào tạo nên những điểm tương đồng và khác bài thơ? + Đánh giá thế nào về giá trị của mỗi bài thơ? - Lập dàn ý: Sắp xếp các ý tìm được thành dàn ý hoàn + MB: Giới thiệu ngắn gọn về hai bài thơ và nêu cơ sở so sánh, đánh giá. + TB: Có thể lựa chọn theo 1 trong 3 cách sau Cách 1: ◆ Lần lượt phân tích từng bài thơ. ◆ Chỉ ra điểm tương đồng, sự gặp gỡ và những điểm giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt đó. ◆ Đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài. Cách 2: ◆ Phân tích bài thơ thứ nhất theo các phương diện đã ◆ Phân tích bài thơ thứ hai, so sánh với bài thơ thứ nhất phương diện và lí giải nguyên nhân của những điểm tu khác biệt giữa hai bài thơ; ◆ Từ đó, đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài th Cách 3: ◆ So sánh lần lượt các phương diện đã lựa chọn đối v ◆ Chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt; ◆ Lí giải nguyên nhân sự tương đồng và khác biệt đó;

	♦ Đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ từ các nội dung so sánh. Bước 3. Viết Bước 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

- a. Mục tiêu:** Thực hành phân tích đề, lập dàn ý và viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ
- b. Nội dung:** HS lựa chọn được đề tài viết hợp lí.
- c. Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập/ vở.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Giao nhiệm vụ học tập - Chọn 1 trong các đề tài gợi ý của SGK trang 56 làm đề tài cho bài viết của mình. - Dựa vào các câu hỏi gợi ý phần Tìm ý, lập dàn ý trong SGK để tìm ý, lập dàn ý cho bài viết của mình. B2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân: lựa chọn đề tài, tìm ý và lập dàn ý trên lớp. B3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày phần dàn ý. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV và HS khác nhận xét, góp ý cho dàn ý của HS trình bày.	4. Luyện tập - HS lựa chọn được đề tài cho bài viết của mình. - HS lập được dàn ý bài viết. - HS viết được bài hoàn chỉnh dựa trên ý đã lập. - HS chỉnh sửa và hoàn thiện bài viết.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

- a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thiện bài viết, GV chữa và trả bài.
- b. Nội dung:** Hoàn thiện bài viết trên cơ sở những chỉnh sửa, góp ý ở lớp.
- c. Sản phẩm:** Bài văn hoàn thiện của HS về vấn đề đã nêu ở mục *Nội dung*, đối chiếu theo tiêu chí khi sửa chữa.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hoàn thành bài viết và nộp cho GV vào tiết học tiếp theo. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Bài văn hoàn thiện của HS về vấn đề đã nêu ở mục <i>Nội dung</i> đảm bảo các yêu cầu theo bảng kiểm. B3. Báo cáo thảo luận: GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. GV khuyến khích 1 – 2 HS trình bày ở đầu buổi học tiếp theo (có thể lấy điểm đánh giá quá trình). B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá về bài trình bày của HS và kết luận.	GV linh hoạt sử dụng ph lâm của HS

Phụ lục 1. Bảng kiểm đánh giá bài viết HS:

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.		
2	Trình bày được các thông tin khái quát về hai tác phẩm thơ.		
3	Làm rõ được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm thơ xét trên một số phương diện nội dung và hình thức cụ thể theo mục đích và phạm vi đã xác định.		
4	Rút ra được những nhận xét, đánh giá cần thiết, phù hợp về hai tác phẩm thơ căn cứ vào kết quả so sánh.		
5	Nêu được ý nghĩa của việc đánh giá hai tác phẩm thơ thông qua việc so sánh.		

Phụ lục 2. Rubric chấm bài viết

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1-2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1-2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

4. củng cố:

Yêu cầu và quy trình viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

5. HDVN:

Chuẩn bị tiết Thực hành đọc *Bài thơ số 28* – R. Ta – go

THỰC HÀNH ĐỌC:**BÀI THƠ SỐ 28****R. TA-GO****I. MỤC TIÊU**

1. Về kiến thức: HS nhận biết được các hình ảnh thơ có tính chất biểu tượng, đặc

điểm của thể thơ, ngôn ngữ, hình tượng thơ.

2. Về năng lực: HS cảm nhận được những phát hiện, suy ngẫm của tác giả về sự phong phú, bí ẩn kì diệu của tình yêu và tâm hồn con người.

3. Về phẩm chất: Biết trân trọng và hướng tới một tình yêu chân thành, tốt đẹp, cao

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Giáo án, video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học, máy chiếu, máy tính, bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Học liệu: SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Kiến thức văn học, đời sống, xã hội

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ và trả lời.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Tìm những tác phẩm thơ hay viết về đề tài tình yêu. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, định hướng: Tình yêu vốn là một đề tài muôn thuở của thi ca. Ta đã từng biết đến <i>Tôi yêu em</i> của Puskin, một kiệt tác của thơ tình thế giới, <i>Sóng</i> của Xuân Quỳnh, <i>Biển</i> của Xuân Diệu với những âm điệu thiết tha, sôi nổi, chân thành, mãnh liệt. Và hôm nay ta biết đến <i>Bài thơ số 28</i> trong tập <i>Người làm vườn</i> của Ta-go. Bài thơ thể hiện một quan niệm rất đúng đắn và tiến bộ về tình yêu: tình yêu là điệu kì và bí ẩn, là khát khao đồng cảm và đồng điệu về tâm hồn.	- Các tác phẩm thơ hay viết về đề tài tình yêu

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu được những nét cơ bản nhất về thể loại, tác giả và tác phẩm.

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS trả lời câu hỏi: <i>+Nêu những hiểu biết của em về cuộc đời và sự nghiệp thơ ca của tác giả Ta-go</i> <i>+ Tìm hiểu kiến thức tác phẩm: nêu vị trí, xuất xứ bài thơ?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: R.Ta-go (1861 – 1941) nhà văn hóa lớn của Ấn Độ, người cống hiến quan trọng cho văn học sự nghiệp giải phóng dân tộc, cuộc đấu tranh của nhân loại vì bình và hữu nghị. - Sự nghiệp khổng lồ, xuất sắc trong lĩnh vực : thơ, tiểu thuyết, truyện ngắn, luận, triết học, nhạc, họa. - Tập thơ Dâng được giải Nôben 1913. 2. Văn bản - Xuất xứ bài thơ: In trong tập <i>Ngọn gió từ quê hương</i> - là một bài thơ tình nổi tiếng.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục đích: HS nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản.

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm						
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm: <table border="1" data-bbox="255 1361 774 2049"> <tr> <td> Nhóm 1 <i>Phát hiện và nhận xét đặc điểm sử dụng thể thơ, bố cục, tứ thơ, ngôn ngữ và hình tượng, giọng điệu có gì đặc biệt</i> </td><td></td></tr> <tr> <td> Nhóm 2 <i>Phát hiện các hình ảnh có ý nghĩa biểu tượng trong bài thơ và nêu ý nghĩa của các hình ảnh đó?</i> </td><td></td></tr> <tr> <td> Nhóm 3 <i>Nhận xét những phát hiện, suy ngẫm của tác giả về sự phong phú, bí ẩn</i> </td><td></td></tr> </table>	Nhóm 1 <i>Phát hiện và nhận xét đặc điểm sử dụng thể thơ, bố cục, tứ thơ, ngôn ngữ và hình tượng, giọng điệu có gì đặc biệt</i>		Nhóm 2 <i>Phát hiện các hình ảnh có ý nghĩa biểu tượng trong bài thơ và nêu ý nghĩa của các hình ảnh đó?</i>		Nhóm 3 <i>Nhận xét những phát hiện, suy ngẫm của tác giả về sự phong phú, bí ẩn</i>		II. Khám phá văn bản 1. Đặc điểm thể thơ, tứ thơ, ngôn ngữ, hình tượng - Thể thơ - Bố cục: 3 phần + 6 câu đầu: Lời tự giải bày tình cảm của nhân vật + 15 câu tiếp: Lời cắt nghĩa, lí giải những nguyên nhân + 2 câu cuối: Lời khẳng định tình yêu - Tứ thơ độc đáo: Mượn hình ảnh <i>đôi mắt</i> để thể hiện những mong muốn khao khát và bí ẩn của tình yêu. - Hình ảnh thơ: ẩn dụ, so sánh sáng tạo - Giọng thơ: chân thành, suy tư, chiêm nghiệm 2. Những hình ảnh thơ có tính biểu tượng: - Hình ảnh: <i>“đôi mắt buồn, đôi mắt buồn khêu muốn nhìn vào tâm tưởng anh”</i> → thể hiện khát khao thấu hiểu người mình yêu. - <i>Đôi mắt</i> được so sánh với <i>“trăng vào sâu biếc”</i> yêu chân thành gắn với khao khát thấu hiểu. - Hình ảnh <i>“ngọc” (quý), “hoa” (đẹp)</i> : hình ảnh
Nhóm 1 <i>Phát hiện và nhận xét đặc điểm sử dụng thể thơ, bố cục, tứ thơ, ngôn ngữ và hình tượng, giọng điệu có gì đặc biệt</i>							
Nhóm 2 <i>Phát hiện các hình ảnh có ý nghĩa biểu tượng trong bài thơ và nêu ý nghĩa của các hình ảnh đó?</i>							
Nhóm 3 <i>Nhận xét những phát hiện, suy ngẫm của tác giả về sự phong phú, bí ẩn</i>							

ẩn kì diệu của tình yêu và tâm hồn con người		giá trị vật chất dễ dàng nắm bắt, thấu hiểu, ngắm nhìn, lập với hình ảnh “Trái tim”: giá trị tinh thần, nơi có nhiều trạng thái cảm xúc phức tạp, khó nắm bắt: <i>vui sướng, khổ đau, đòi hỏi, sự giàu sang.</i> 3. Những phát hiện, suy ngẫm phong phú, bí ẩn kì diệu của tình yêu và tâm hồn con người. - Tình yêu gắn với những khao khát thấu hiểu người mình yêu “<i>đôi mắt bạn khoả của em muốn nhìn vào tâm tưởng của anh</i>” - Tình yêu gắn với sự chân thành, xuất phát từ rung động của hai trái tim, ước nguyện hòa hợp “<i>để cuộc đời anh tràn dưới mắt em</i>”, “<i>anh không giấu em một điều gì</i>” - Tình yêu không phải là giá trị vật chất dễ dàng nhìn thấy “<i>Đời anh lại là trái tim</i>”, “<i>nào ai biết chiều sâu và bến bờ của nó</i>”; tình yêu vừa gần gũi “<i>ở gần em như chính cuộc đời em vậy</i>” vừa luôn đầy bí ẩn “<i>em không bao giờ biết trọn đời anh đâu</i>” - Tình yêu là sự vô cùng, vô tận và không ranh giới: <i>sướng, khổ đau của nó là vô biên; đòi hỏi, sự giàu sang của nó là trường cửu</i> → Tình yêu chân chính cần đến sự hòa hợp về tâm hồn, cần sự khám phá và thấu hiểu. Tình yêu luôn đầy bí ẩn, gọi, hấp dẫn. Chính điều này là cơ sở để tình yêu tồn tại đích thực. 4. Sự độc đáo và thống nhất trong quan điểm về tình yêu trong thơ ca						
Nhóm 4 Qua một số tác phẩm thơ ca tiêu biểu viết về đề tài tình yêu, hãy phát hiện và nhận xét sự độc đáo và thống nhất trong quan điểm về tình yêu của các nhà thơ		<table><tr><td>Tình yêu luôn chứa đựng những cung bậc phức tạp và đối nghịch</td><td> - <i>Dữ dội và dịu êm/Ồn ào và lặng lẽ</i> (Xuân Quỳnh) - <i>Nỗi vui sướng, khổ đau của nó là vô biên/Những đòi hỏi và sự giàu sang của nó là trường cửu</i> (Ta-go) - <i>Tôi yêu em âm thầm không hi vọng/Lúc rụt rè, khi hậm hực lòng ghen</i> (Ta-go) </td></tr><tr><td>Tình yêu gắn với những khao khát thấu hiểu</td><td> - <i>Sông không hiểu nổi mình/ Sóng tìm ra tận bể</i> (Xuân Quỳnh) - <i>Đôi mắt của em muốn nhìn vào tâm tưởng của anh</i> (Ta-go) </td></tr><tr><td>Tình yêu gắn với sự chân thành</td><td> - <i>Anh để cuộc đời anh tràn trệ dưới mắt em/ Anh không giấu em một điều gì</i> </td></tr></table>	Tình yêu luôn chứa đựng những cung bậc phức tạp và đối nghịch	- <i>Dữ dội và dịu êm/Ồn ào và lặng lẽ</i> (Xuân Quỳnh) - <i>Nỗi vui sướng, khổ đau của nó là vô biên/Những đòi hỏi và sự giàu sang của nó là trường cửu</i> (Ta-go) - <i>Tôi yêu em âm thầm không hi vọng/Lúc rụt rè, khi hậm hực lòng ghen</i> (Ta-go)	Tình yêu gắn với những khao khát thấu hiểu	- <i>Sông không hiểu nổi mình/ Sóng tìm ra tận bể</i> (Xuân Quỳnh) - <i>Đôi mắt của em muốn nhìn vào tâm tưởng của anh</i> (Ta-go)	Tình yêu gắn với sự chân thành	- <i>Anh để cuộc đời anh tràn trệ dưới mắt em/ Anh không giấu em một điều gì</i>
Tình yêu luôn chứa đựng những cung bậc phức tạp và đối nghịch	- <i>Dữ dội và dịu êm/Ồn ào và lặng lẽ</i> (Xuân Quỳnh) - <i>Nỗi vui sướng, khổ đau của nó là vô biên/Những đòi hỏi và sự giàu sang của nó là trường cửu</i> (Ta-go) - <i>Tôi yêu em âm thầm không hi vọng/Lúc rụt rè, khi hậm hực lòng ghen</i> (Ta-go)							
Tình yêu gắn với những khao khát thấu hiểu	- <i>Sông không hiểu nổi mình/ Sóng tìm ra tận bể</i> (Xuân Quỳnh) - <i>Đôi mắt của em muốn nhìn vào tâm tưởng của anh</i> (Ta-go)							
Tình yêu gắn với sự chân thành	- <i>Anh để cuộc đời anh tràn trệ dưới mắt em/ Anh không giấu em một điều gì</i>							
- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.								

		(Ta-go) - Tôi yêu em, yêu chân thành đắm thắm (Pu-skin)
	Tình yêu luôn chứa đựng những bí ẩn diệu kì	- Làm sao cắt nghĩa được tình yêu? (Xuân Diệu) - Em cũng không biết nữa/Khi nào ta yêu nhau (Xuân Diệu) - Em là nữ hoàng của vương quốc đó/ Ấy thế mà em có biết gì về biên giới của nó đâu (Ta-go)

Nội dung 3: Tổng kết

a. **Mục đích:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. **Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.

c. **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: HS khái quát nội dung và những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung - Bài thơ bộc lộ quan điểm về một t chính: tình yêu cần gắn với khao kh hiểu; tình yêu chân chính phải đến t sự chân thành, lắng nghe của hai trái là bí ẩn diệu kì của cuộc đời. 2. Nghệ thuật - Kết cấu trùng điệp, giọng thơ sôi nổ - Tứ thơ độc đáo - Hình ảnh thơ so sánh, ẩn dụ, giàu tín

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục đích:** Luyện tập củng cố nội dung bài học

b. **Nội dung:** HS ôn tập, sử dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài tập trắc nghiệm.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một câu thơ hoặc một hình ảnh trong bài thơ số 28 của Ta-go mà em yêu thích nhất.	- Bài làm của HS. - Bài sưu tầm:

- Gợi ý: + Câu thơ + Hình ảnh thơ + Vẻ đẹp ngôn ngữ, hình ảnh, tín hiệu nghệ thuật + Vẻ đẹp trong quan niệm tình yêu - <i>HS tiếp nhận nhiệm vụ.</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục đích: Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS làm các bài tập

d. Tổ chức thực hiện: Làm bài tập vận dụng

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Suy tầm và giới thiệu một tác phẩm thơ mà em tâm đắc nhất viết về đề tài tình yêu - <i>HS tiếp nhận nhiệm vụ.</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	- Bài làm của HS.

4. Củng cố

- Những hình ảnh mang tính chất biểu tượng.

- Sự phong phú, bí ẩn kì diệu của tình yêu và tâm hồn con người.

5. HDVN: Chuẩn bị bài 3: Lập luận trong văn bản nghị luận.

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết 21,22 TRÌNH BÀY KẾT QUẢ SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: HS trình bày được kết quả của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ (đã thực hiện ở phần Viết)

2. Về năng lực

Qua bài nói, HS cần đáp ứng các yêu cầu về triển khai bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ (đã thực hiện ở phần Viết), mặt khác cần thể hiện được những cảm xúc và tâm huyết của cá nhân về các bài thơ qua ngôn ngữ nói.

3. Về phẩm chất:

Thông qua việc lắng nghe và tương tác với người nói, người nghe cần rút ra những kinh nghiệm cần thiết cho cá nhân trong việc cảm thụ tác phẩm thơ và so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Tranh ảnh, máy tính, máy chiếu, bảng phụ...

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, kế hoạch dạy học, hai tác phẩm thơ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra việc chuẩn bị bài: GV kiểm tra nhanh nội dung đã được chuẩn bị của HS

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Huy động kiến thức đã có của HS về kỹ năng thuyết trình về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

b. Nội dung: Các yếu tố tạo nên một bài thuyết trình hấp dẫn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Theo em, để thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ cần chú ý điều gì? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ câu trả lời. B3. Báo cáo, thảo luận: HS trình bày suy nghĩ của mình. Các HS khác trao đổi, thảo luận. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, bổ sung và dẫn dắt vào bài.	Để có một bài nói tốt, chúng ta cần: - Xác định nội dung trình bày một cách rõ ràng. - Chú ý giọng điệu, ngôn ngữ hình thể phù hợp bài nói. - Có thể kết hợp sử dụng các thiết bị hỗ trợ như tranh ảnh, video clip...

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Nắm được yêu cầu, quy trình của bài thuyết trình Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

b. Nội dung: Những yêu cầu của bài nói và nghe.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Khi trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ cần đảm bảo những yêu cầu nào? - Để đảm bảo những yêu cầu trên, người nói cần chuẩn bị bài nói như thế nào? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS dựa vào SGK, trao đổi cặp đôi hoàn thành các nhiệm vụ học tập. B3. Báo cáo thảo luận: HS trả lời, trao đổi. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, chốt kiến thức	I. Yêu cầu khi trình bày kết quả so sánh, đánh giá thơ: - Giới thiệu được hai bài thơ và lí do lựa chọn hai bài thơ để so sánh, đánh giá. - Phân tích những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ xét theo một số phương diện đã xác định. - Có những nhận xét, đánh giá thuyết phục về giá trị của mỗi bài thơ dựa trên kết quả so sánh. - Nêu được những ý kiến trao đổi xác đáng giúp người nghe có cái nhìn đầy đủ, toàn diện hơn về hai bài thơ. II. Chuẩn bị nói - Tóm tắt nội dung bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. - Đánh dấu những luận điểm hoặc thông tin chính. Ghi chú những dẫn chứng quan trọng cần được nêu ra để làm rõ từng luận điểm. - Xác định những từ ngữ then chốt gắn với từng luận điểm để triển khai, đảm bảo bài nói có trọng tâm. - Chuẩn bị các phương tiện kĩ thuật hỗ trợ và hình thức trình bày (nếu có) với các thông tin chốt lại về mỗi bài thơ.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)**a. Mục tiêu:**

- HS biết so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- HS biết lắng nghe và trao đổi trên tinh thần học hỏi, dựng xây.

b. Nội dung: HS thực hành nói - nghe**c. Sản phẩm:** Bài nói của HS**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm		
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS bốc thăm thứ tự trình bày bài nói của các tổ/nhóm. HS nghe theo dõi bài nói, ghi tóm tắt nội dung bài nói và những nội dung cần trao đổi, thảo luận. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS trình bày bài nói theo đúng thời gian quy định. - HS ghi lại những nội dung của bài nói và những điều cần trao đổi. B3. Báo cáo thảo luận: Thảo luận, tranh biện	Bài nói của HS III. Thực hành nói và nghe * Thực hành nói: HS trình bày kết quả so sánh hai tác phẩm thơ đã chuẩn bị. * Trao đổi: về một số khía cạnh: - Sự phù hợp giữa việc lựa chọn hai bài thơ và cơ sở để so sánh. - Nội dung của bài nói: + Quan điểm trình bày của vấn đề. + Các ý kiến so sánh, đánh giá. + Khả năng sử dụng lí lẽ và dẫn chứng để lập luận. + Mức độ thuyết phục của bài nói.		
<table border="1"> <tr> <td>Người nghe</td><td>Người nói</td></tr> </table>	Người nghe	Người nói	
Người nghe	Người nói		

- Nhận xét về độ chính xác và đầy đủ của các nội dung so sánh giữa hai tác phẩm thơ, cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có khía cạnh nào chưa rõ, yêu cầu người nói giải thích thêm. - Bổ sung hoặc chia sẻ một số nội dung giúp người nói có cái nhìn đầy đủ, toàn diện hơn về hai bài thơ được so sánh, đánh giá.	- Cần làm rõ thêm những ý mà người nghe chưa rõ. - Tiếp thu góp ý hoặc trao đổi lại với một số ý kiến nhận xét, đánh giá của người nghe về nội dung và cách thực hiện bài nói.	- Kỹ năng trình bày bài nói: + cách sử dụng ngôn ngữ và yếu tố phi ngôn ngữ + Sự tương tác với người nghe + Việc giải đáp những thắc mắc của người nghe... * Đánh giá: Đánh giá theo phiếu đánh giá hoạt động nói và hoạt động nghe (xem phụ lục).
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - HS đánh giá và tự đánh giá. - GV chốt lại		

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NÓI:

Nội dung đánh giá		Chưa đạt	Đạt	Khá	Tốt
Mở đầu	Chào hỏi, tự giới thiệu				
Triển khai	Cấu trúc đầy đủ, rõ ràng.				
	Nội dung chuẩn xác.				
	Suy nghĩ sâu sắc, cảm xúc chân thành.				
	Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục.				
Kết thúc	Khái quát lại nội dung đã trình bày				
	Mời gọi sự phản hồi từ phía người nghe				
	Cảm ơn và chào kết thúc				
Kỹ năng trình bày, tương tác với người nghe	Cách sử dụng ngôn ngữ và yếu tố phi ngôn ngữ				
	Sự tương tác với người nghe				
	Việc giải đáp những thắc mắc của người nghe.				

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NGHE:

Nội dung	Họ và tên người nghe:	Đánh giá của GV về
----------	-----------------------	--------------------

		hoạt động nghe của HS
Tóm tắt hệ thống ý được trình bày của bài nói.		
Nhận xét ngắn gọn về bài nói.		
Câu hỏi hoặc ý kiến trao đổi, bổ sung cho bài nói.		

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học

b. Nội dung: HS quay video bài nói của bản thân so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ (nếu có thể)

c. Sản phẩm: Video bài nói của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS chọn hai bài thơ khác để so sánh, đánh giá

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS chọn hai bài thơ hay, chọn hình thức trình bày phù hợp

B3. Báo cáo thảo luận:

HS báo cáo/gửi bài làm

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung

4. Củng cố: Cách trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ